

DANH MỤC TÀI LIỆU

TT	NỘI DUNG	TRANG
I	Các Báo cáo trình bày tại Hội nghị	
1.	Báo cáo: “Tình hình tổ chức triển khai thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9” (Chính phủ)	1
2.	Báo cáo tham luận: “Những điểm mới, nội dung trọng tâm của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội và việc sắp xếp, tổ chức các cơ quan của Quốc hội” (Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội)	12
3.	Báo cáo tham luận: “Những điểm mới, nội dung trọng tâm của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và cơ cấu tổ chức, số lượng thành viên Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV” (Bộ Nội vụ)	15
4.	Báo cáo tham luận: “Những điểm mới, nội dung trọng tâm của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị quyết về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; việc chuẩn bị nguồn lực cho công tác triển khai thi hành” (Bộ Tư pháp)	24
5.	Báo cáo tham luận: “Nội dung trọng tâm và công tác triển khai thi hành Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” (Bộ Khoa học và Công nghệ)	53
II.	Các Báo cáo không trình bày tại Hội nghị	
6.	Báo cáo tham luận: “Nội dung cơ bản của Nghị quyết số 189/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt đầu tư xây dựng dự án điện hạt nhân Ninh Thuận” (Bộ Công Thương)	59
7.	Báo cáo tham luận: “Tác động và công tác chuẩn bị nguồn lực triển khai thi hành Nghị quyết số 188/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh” (Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)	80

BÁO CÁO

Tình hình tổ chức triển khai thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9

- Chính phủ -

Dưới sự lãnh đạo của Đảng; sự chủ động, đồng hành linh hoạt, chặt chẽ của Quốc hội; sự quản lý, chỉ đạo, điều hành quyết liệt, hiệu lực, hiệu quả của Chính phủ; sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, địa phương; sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, Kỳ họp bất thường lần thứ 9, Quốc hội khóa XV đã diễn ra thành công với ý nghĩa đặc biệt quan trọng để xem xét, quyết định nhiều vấn đề cấp bách phục vụ cuộc cách mạng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, đáp ứng yêu cầu rất cao của đất nước để bước vào kỷ nguyên mới; tiếp tục tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về thể chế, chính sách để phát huy nguồn lực, kiến tạo không gian phát triển mới, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra.

I. KẾT QUẢ XÂY DỰNG, BAN HÀNH CÁC LUẬT, NGHỊ QUYẾT TẠI KỲ HỌP BẤT THƯỜNG LẦN THỨ 9

Với tinh thần khẩn trương, nghiêm túc, dân chủ và trách nhiệm, Kỳ họp bất thường lần thứ 9, Quốc hội khóa XV đã xem xét, thông qua **04** luật, **05** nghị quyết liên quan đến việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và xem xét, thông qua **03** nghị quyết quy phạm pháp luật khác nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và các cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt, cấp bách, cần thiết đối với một số dự án, công trình quan trọng.

1. Mặc dù số lượng các dự án luật, dự thảo nghị quyết trình Quốc hội tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9 là khá lớn, trong khi thời gian chuẩn bị và diễn ra Kỳ họp tương đối ngắn, nhiều dự án, dự thảo có nội dung phức tạp, phạm vi tác động rộng, ảnh hưởng trực tiếp đến cơ cấu tổ chức, sắp xếp và hoạt động của hệ thống chính trị, xong đều đã được các cơ quan chuẩn bị đầy đủ, đúng quy trình, thủ tục, bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, sự lãnh đạo sát sao của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư để thể chế hoá đầy đủ và kịp thời. Trong quá trình soạn thảo, trình các dự án luật, dự thảo nghị quyết, Chính phủ đã phối hợp với các cơ quan liên quan kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề còn ý kiến khác nhau giữa các cơ quan; kịp thời đề xuất việc soạn thảo, trình theo trình tự thủ tục rút gọn với tinh thần chuẩn bị khẩn trương, quyết tâm cao độ nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ trình các dự án luật, dự thảo nghị quyết, không làm chậm tiến trình cải cách, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

Công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, các cơ quan của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội được thực hiện linh hoạt, kịp thời, sáng tạo. Các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan của Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng, các Ban Đảng ở Trung ương, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ nêu cao tinh thần trách nhiệm, tích cực, chủ động, phối hợp chặt chẽ với tinh thần “vừa chạy, vừa xếp hàng”, chuẩn bị từ sớm, từ xa, phối hợp ngay từ đầu, cho nên, mặc dù có những dự án, dự thảo được trình Quốc hội xem xét theo quy trình 02 trong 01, vừa xem xét việc bổ sung vào Chương trình vừa xem xét dự thảo, nhưng vẫn bảo đảm chất lượng, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao của các vị đại biểu Quốc hội.

2. Trên cơ sở đó, các dự án luật, dự thảo nghị quyết được Quốc hội thông qua với tỷ lệ tán thành cao (tất cả các dự án, dự thảo đều được thông qua với tỷ lệ trên 90%). Nội dung các luật, nghị quyết bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, bảo đảm kịp thời phục vụ cuộc cách mạng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, đáp ứng yêu cầu rất cao của đất nước để bước vào kỷ nguyên mới; tạo lập các cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt, cấp bách, cần thiết đối với một số dự án, công trình quan trọng, cụ thể:

(i) Về các luật, nghị quyết để thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước: nhằm kịp thời thể chế hoá chủ trương của Đảng về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, chính quyền địa phương các cấp, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội; Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi); Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi); Nghị quyết về việc tổ chức các cơ quan của Quốc hội; Nghị quyết về số thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV; Nghị quyết về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Nghị quyết về cơ cấu số lượng thành viên Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV. Các dự án, dự thảo được xây dựng, ban hành với nhiều các quy định mới, mang tính đột phá về tổ chức, sắp xếp và hoạt động, bảo đảm tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm sự thống nhất, thông suốt của nền hành chính nhà nước từ Trung ương đến cơ sở.

Bên cạnh đó, để bảo đảm cơ sở pháp lý để toàn hệ thống các cơ quan nhà nước có thể tiếp tục hoạt động một cách liên tục, bình thường trong và sau quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, không để ngắt quãng công việc, không để khoảng trống về thời gian, địa bàn, lĩnh vực, hạn chế đến mức thấp nhất các tác động, ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động bình thường của người dân, doanh nghiệp và xã hội, Chính phủ đã trình Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, có hiệu lực đồng thời với các luật, nghị quyết về tổ chức bộ máy.

(ii) Về dự án Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi): nhằm kịp thời tháo gỡ những điểm nghẽn về thể chế, tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho việc xây dựng và vận hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi, dễ tiếp cận, hiệu lực và hiệu quả, dễ áp dụng trên thực tế, khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong kỷ nguyên mới, Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi) với những quy định nhằm đổi mới toàn diện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm khoa học, kịp thời, hiệu quả, phù hợp với cải cách tổ chức, sắp xếp bộ máy về thẩm quyền ban hành văn bản, trách nhiệm của các chủ thể trong xây dựng, ban hành văn bản.

(iii) Bên cạnh đó, Quốc hội đã thông qua các nghị quyết quy định cơ chế, chính sách đặc biệt, đặc thù, các nội dung quan trọng, cấp bách, cần thiết khác để giải quyết những vấn đề mới, xu hướng mới, khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ như:

- **Nghị quyết thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia** để kịp thời thể chế hóa một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, với các quy định nhằm giải phóng, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển, góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ để đạt mục tiêu tăng trưởng trong thời gian tới như: tháo gỡ chi tiêu tài chính từ ngân sách nhà nước; nâng cao huy động nguồn đầu tư, tài chính, phân bổ nguồn kinh phí dành cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và hoạt động khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp; tháo gỡ khó khăn vướng mắc về đầu tư, mua sắm, đấu thầu phục vụ các hoạt động chuyển đổi số quốc gia, phát triển hạ tầng viễn thông, phát triển công nghiệp công nghệ số, thu hút, đón đầu làn sóng dịch chuyển đầu tư công nghệ số chiến lược như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo,... về Việt Nam; cho phép thí điểm mô hình đầu tư kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình mạng viễn thông vệ tinh sử dụng công nghệ vệ tinh tầm thấp tại Việt Nam trong đó không giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc tỷ lệ đóng góp của nhà đầu tư nước ngoài; khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung; khơi dậy mạnh mẽ ý thức trách nhiệm, khát vọng cống hiến, tinh thần đổi mới, hết lòng, hết sức vì nhân dân phục vụ của đội ngũ cán bộ theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

- *Nghị quyết thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh*, với những quy định mang tính đặc thù về: huy động nguồn vốn; trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư; phát triển mô hình TOD; phát triển công nghiệp đường sắt, chuyên giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực; khai thác vật liệu xây dựng và bãi đổ thải; các chính sách áp dụng riêng cho thành phố Hồ Chí Minh;... để giải quyết “điểm nghẽn” về thể chế nhằm góp phần thực hiện mục tiêu đầu tư hoàn thành mạng lưới đường sắt đô thị tại hai thành phố, qua đó đáp ứng nhu cầu vận tải công cộng, góp phần tái cơ cấu các phương thức vận tải đô thị bền vững, hài hòa, hợp lý.

- *Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc biệt đầu tư xây dựng Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận*, với các quy định cho phép thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc biệt để đầu tư xây dựng Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận, gồm nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1, nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 2 và các dự án thành phần và một số cơ chế, chính sách đặc biệt áp dụng cho tỉnh Ninh Thuận để thực hiện Dự án,... Nghị quyết có ý nghĩa quan trọng trong việc thể chế hoá một số nhiệm vụ, giải pháp triển khai xây dựng dự án điện hạt nhân Ninh Thuận nhằm bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế 2 con số trong những năm tới, góp phần thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

II. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI CÁC LUẬT, NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC QUỐC HỘI KHÓA XV THÔNG QUA TẠI KỲ HỌP BẤT THƯỜNG LẦN THỨ 9

Để bảo đảm yêu cầu “pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả”, nhằm triển khai thực hiện đồng bộ, sớm đưa các quy định của các luật, nghị quyết đi vào cuộc sống, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã chủ động bắt tay ngay vào việc tổ chức triển khai thi hành các luật, nghị quyết, tập trung vào một số nhiệm vụ sau đây:

1. Ban hành kế hoạch triển khai thi hành

Để chuẩn bị triển khai thi hành các luật, nghị quyết, ngay sau khi kết thúc kỳ họp của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao các bộ chủ trì soạn thảo các luật, nghị quyết khẩn trương tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các Kế hoạch để triển khai. Việc xây dựng kế hoạch là nội dung rất quan trọng và cần thiết để dự kiến các công việc cần triển khai, nguồn lực và phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện, bảo đảm việc thi hành kịp thời, có hiệu quả luật, nghị quyết ngay từ thời điểm có hiệu lực. Đến nay, có 01 Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tổ chức Chính phủ đã được trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành; 02 Kế hoạch triển khai thi

hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đang được chỉnh lý, hoàn thiện theo ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương để trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Phổ biến các luật, nghị quyết mới được ban hành

Để kịp thời đưa các luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ bất thường lần thứ 9 đi vào cuộc sống, công tác chỉ đạo, hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) đã được chú trọng thực hiện. Trên cơ sở Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL trung ương năm 2025 trong việc giao trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng để triển khai các luật, nghị quyết mới được thông qua, Bộ Tư pháp, cơ quan thường trực đã khẩn trương tham mưu Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương có văn bản gửi các cơ quan chủ trì soạn thảo các luật, nghị quyết để đăng tải công khai trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử PBGDPL quốc gia để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân dễ dàng tiếp cận, khai thác, sử dụng khi có nhu cầu⁽¹⁾.

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp cũng đang hoàn thiện công văn hướng dẫn bộ, ngành, địa phương thực hiện công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp năm 2025 trong đó có nội dung phổ biến các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp bất thường lần thứ 9.

Qua theo dõi, đến nay, trong kế hoạch triển khai các luật, nghị quyết đã và đang được các bộ, ngành chủ trì tham mưu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành đều xác định việc phổ biến nội dung cơ bản của luật, nghị quyết cho cán bộ, công chức và Nhân dân là một nhiệm vụ trọng tâm. Tại các địa phương, nhiệm vụ phổ biến các văn bản luật, nghị quyết cũng đã được xác định trong Kế hoạch công tác PBGDPL của địa phương ngay từ đầu năm. Hiện, một số địa phương đã và đang xây dựng văn bản riêng chỉ đạo, hướng dẫn PBGDPL để triển khai các luật, nghị quyết mới, xây dựng Kế hoạch triển khai các luật, nghị quyết, trong đó phân công trách nhiệm cụ thể cho các sở, ban, ngành hữu quan để triển khai thực hiện sâu rộng đến Nhân dân tại cơ sở.

3. Triển khai xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết

Ngay khi kết thúc kỳ họp bất thường lần thứ 9 của Quốc hội khóa XV, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ khẩn trương phối hợp với các bộ, cơ quan rà soát, xác định nội dung, lập Danh mục văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết. Kết quả, ngày

⁽¹⁾ Công văn số 948/BTP-PBGDPL ngày 26/02/2025 của Bộ Tư pháp về việc phối hợp biên soạn tài liệu giới thiệu Luật, Nghị quyết được thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9, Quốc hội khóa XV.

28/12/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết⁽²⁾, trong đó xác định rõ tên văn bản, nội dung giao quy định chi tiết, cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp và thời hạn trình, ban hành văn bản. Theo đó, để quy định chi tiết 05 luật, nghị quyết được thông qua tại Kỳ họp thứ bất thường lần thứ 9⁽³⁾, Chính phủ có nhiệm vụ ban hành 08 nghị định. Cụ thể:

(1) Luật Tổ chức Chính phủ: 02 nghị định do Bộ Nội vụ chủ trì soạn thảo: (1) Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang bộ (thay thế Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định số 92/2017/NĐ-CP, 101/2020/NĐ-CP, 83/2024/NĐ-CP); (2) Nghị định quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương).

(2) Luật Tổ chức chính quyền địa phương : 01 nghị định do Bộ Nội vụ chủ trì soạn thảo là Nghị định quy định chi tiết khung số lượng Phó Chủ tịch, số lượng Ủy viên Ủy ban nhân dân các cấp; trình tự, thủ tục bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân; trình tự, thủ tục điều động, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương.

(3) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: 03 nghị định do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo: (1) Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Điều 7, Điều 31, khoản 1 Điều 32, Điều 34, khoản 1 Điều 36, Điều 69, khoản 4 và khoản 5 Điều 70); (2) Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (Điều 63, Điều 64); (3) Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 3 Điều 59).

⁽²⁾ Quyết định số 470/QĐ-TTg ngày 28/12/2024 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9.

⁽³⁾ Các luật, nghị quyết không có nội dung giao quy định chi tiết: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội, Nghị quyết của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; Nghị quyết của Quốc hội về việc tổ chức các cơ quan của Quốc hội; Nghị quyết của Quốc hội về số thành viên của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV (sửa đổi); Nghị quyết của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Nghị quyết của Quốc hội về cơ cấu số lượng thành viên Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc biệt đầu tư xây dựng Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận.

(4) Nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: 01 nghị định do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì soạn thảo là Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Điều 15).

(5) Nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh: 01 nghị định do Bộ Giao thông vận tải chủ trì soạn thảo là Nghị định quy định tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp nhà nước được giao nhiệm vụ hoặc tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam được đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt, nghiên cứu, ứng dụng, nhận chuyển giao công nghệ (điểm a khoản 3 Điều 7).

Thực hiện nhiệm vụ được giao, với tinh thần khẩn trương, các bộ đã chủ động tiến hành việc soạn thảo, chỉnh lý, hoàn thiện các nghị định, bảo đảm tiến độ và chất lượng. Đến nay, có 01 nghị định đã được trình Chính phủ ban hành là Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (quy định chi tiết Luật Tổ chức Chính phủ); 07 nghị định còn lại đang soạn thảo.

(ii) Đối với chính quyền địa phương

Bên cạnh các văn bản quy định chi tiết thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Bộ Tư pháp cũng đã chủ động phối hợp với các bộ, cơ quan rà soát và đã gửi thông báo đến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh⁽⁴⁾ những nội dung luật, nghị quyết giao cho chính quyền địa phương quy định chi tiết để kịp thời xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết và tổ chức triển khai thi hành các luật, pháp lệnh một cách đồng bộ, hiệu quả. Đối với các luật, nghị quyết được thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9, Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội phải ban hành văn bản để quy định chi tiết 02 nội dung được giao tại Nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Các luật, nghị quyết còn lại không có nội dung giao Chính quyền địa phương quy định chi tiết.

III. NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

⁽⁴⁾ Công văn số 1139/BTP-VĐCXDPL ngày 28/02/2025.

1. Nhiệm vụ trong thời gian tới

a) Về công tác lập pháp

- Rà soát, nghiên cứu việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp với phạm vi là các vấn đề về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đề báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp chậm nhất ngày 30/6/2025.

- Tiếp tục rà soát xây dựng, đề xuất cấp có thẩm quyền xây dựng các văn bản, nghị định về cơ chế, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị ảnh hưởng do sắp xếp đơn vị hành chính ở địa phương và xử lý tài sản nhà nước sau sắp xếp tổ chức bộ máy ở địa phương, báo cáo Bộ Chính trị theo tiến độ chung và hoàn thành sửa đổi, bổ sung pháp luật chậm nhất ngày 30/6/2025.

- Hoàn thiện, trình Chính phủ thông qua Đề án Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội khóa XVI, trên cơ sở đó tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Đề án, tập trung trước mắt vào việc nghiên cứu, rà soát, đề xuất định hướng Chương trình lập pháp nhiệm kỳ mới để thể chế hoá các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tiếp tục hoàn thiện pháp luật về tổ chức, hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và cải cách tối đa thủ tục hành chính, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, đáp ứng nhanh, kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục tham mưu, đề xuất sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật đề thúc đẩy tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Trong đó, tập trung hoàn thiện, tháo gỡ vướng mắc trong hệ thống pháp luật, nhất là tạo cơ sở pháp lý để xử lý các vụ việc tồn đọng, kéo dài nhằm giải phóng nguồn lực, chống lãng phí; thể chế hoá Kết luận số 97-KL/TW của Trung ương 10 Khóa XIII, cụ thể hoá Nghị quyết số 158/2024/QH15 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2025; tham mưu có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh; cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho người dân, doanh nghiệp; đẩy mạnh việc xây dựng, ban hành khung pháp lý thử nghiệm để xử lý các vấn đề mới, “phi truyền thống”, thúc đẩy kinh tế số và xã hội số, tăng trưởng xanh, phát huy sáng tạo của người dân, doanh nghiệp; đảm bảo an toàn pháp lý cho các chủ thể có liên quan...

b) Về công tác triển khai thi hành các luật, nghị quyết

- Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện các luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9; sớm trình Thủ tướng Chính

phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền kế hoạch triển khai thi hành các luật, nghị quyết.

- Khẩn trương xây dựng, ban hành 55 văn bản quy định chi tiết đang chậm ban hành trong tháng 3 này, giải quyết dứt điểm tình trạng nợ ban hành văn bản quy định chi tiết. Đồng thời, khẩn trương xây dựng, ban hành 108 văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết sẽ có hiệu lực trong thời gian tới để tránh tạo khoảng trống pháp lý. Với khối lượng văn bản cần ban hành rất lớn trong khoảng thời gian ngắn, đòi hỏi các bộ, ngành, địa phương phải cùng “chung tay”, góp sức và nâng cao trách nhiệm trong việc phối hợp soạn thảo, thẩm định, cho ý kiến nhằm ban hành các văn bản bảo đảm chất lượng, tiến độ, có hiệu lực đồng thời với luật, nghị quyết.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật (nhất là các luật, nghị quyết có phạm vi ảnh hưởng rộng, tác động trực tiếp đến cơ cấu, tổ chức bộ máy của trung ương và địa phương), góp phần đưa luật, nghị quyết của Quốc hội sớm đi vào cuộc sống; khẩn trương quán triệt tinh thần đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật có hiệu quả, tạo hiệu ứng lan toả tích cực trong hệ thống chính trị và toàn dân.

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật, thường xuyên đánh giá hiệu quả pháp luật sau ban hành nhằm nâng cao hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, xây dựng cơ chế hữu hiệu để kịp thời phát hiện, chủ động xử lý đối với những vấn đề phát sinh trong quá trình thi hành luật, nghị quyết hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để xử lý những quy định mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với thực tiễn, trái pháp luật.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động ban hành Kế hoạch triển khai các luật, nghị quyết trên địa bàn; tập trung rà soát, nghiên cứu, chuẩn bị điều kiện cần thiết và tổ chức thực hiện các thẩm quyền, nhiệm vụ được giao, nhất là những thẩm quyền, nhiệm vụ mới được bổ sung trong các luật, nghị quyết của Quốc hội, cơ chế, chính sách thí điểm, đặc thù được áp dụng tại địa phương. Hội đồng nhân dân các cấp nghiên cứu tổ chức hội nghị hoặc cách thức phù hợp để quán triệt, triển khai nội dung luật, nghị quyết, tập trung vào những nhiệm vụ, quyền hạn được giao cho chính quyền địa phương thực hiện, trong đó có việc ban hành văn bản quy định chi tiết.

- Bộ Tư pháp phối hợp Văn phòng Chính phủ, Sở Tư pháp phối hợp với Văn phòng Ủy ban theo dõi, đôn đốc, thường xuyên làm việc trực tiếp với các bộ, sở, ngành liên quan để kịp thời nắm bắt tiến độ, tình hình xây dựng, ban

hành văn bản quy định chi tiết, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

2. Một số đề xuất, kiến nghị

Để nâng cao hiệu quả công tác triển khai thi hành các luật, nghị quyết được thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9 nói riêng và công tác triển khai thi hành pháp luật nói chung, đề nghị:

- Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội, Đại biểu Quốc hội tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Chính phủ ngay từ giai đoạn đầu trong công tác xây dựng pháp luật, bảo đảm tính khả thi các quy định giao quy định chi tiết trong các dự án luật, pháp lệnh gắn với các điều kiện tối thiểu về thời gian, nguồn lực; tăng cường hoạt động giám sát trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật, kịp thời phát hiện những nội dung trái pháp luật, những vi phạm để kiến nghị các biện pháp xử lý phù hợp. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Hiến pháp, luật, pháp lệnh, Ủy ban thường vụ Quốc hội tự mình hoặc theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định việc giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tăng cường tham gia xây dựng, giám sát công tác xây dựng chính sách, pháp luật và thực hiện vai trò phản biện xã hội. Thường xuyên góp ý kiến vào dự án luật, pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản pháp luật trái Hiến pháp và pháp luật.

- Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiếp tục phối hợp chặt chẽ, kịp thời với các cơ quan của Chính phủ trong việc thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; tổ chức triển khai thi hành luật, pháp lệnh, ban hành văn bản quy định chi tiết; thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật thông qua hoạt động truy tố, xét xử và thi hành án.

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục quan tâm, chỉ đạo sát sao công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật; các bộ, ngành, địa phương tiếp tục quán triệt, xác định xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật là một trong các nhiệm vụ trọng tâm; tiếp tục đề cao trách nhiệm người đứng đầu, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong công tác này.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ quan tâm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ưu tiên bố trí nguồn lực bảo đảm thực hiện công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; nghiên cứu đề xuất phương án tổ chức bộ máy gắn với nhiệm vụ xây dựng pháp luật, soạn thảo tập trung, chuyên nghiệp theo hướng, giao cho một cơ quan, đơn vị thực hiện chuyên môn hoá hoạt động soạn thảo trên cơ sở các chính sách đã được cơ quan có thẩm quyền đồng thuận hoặc thông qua; thực

hiện ứng dụng công nghệ thông tin triệt để trong xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật, giải quyết thủ tục hành chính; sử dụng văn bản điện tử thay cho văn bản giấy; trao đổi thông tin qua môi trường mạng giữa cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp để giảm thiểu các chi phí, thủ tục không cần thiết, giảm thời gian lưu chuyển hồ sơ, giấy tờ;...

Trên đây là Báo cáo tổ chức triển khai thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9, Chính phủ xin báo cáo Hội nghị./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Những điểm mới, nội dung trọng tâm của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội và việc sắp xếp, tổ chức các cơ quan của Quốc hội

- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội -

Ngày 17/02/2025, tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội nhằm thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Các nội dung sửa đổi, bổ sung của Luật tập trung phục vụ việc sắp xếp, kiện toàn các cơ quan của Quốc hội và Văn phòng Quốc hội, kết hợp điều chỉnh một số quy định liên quan đến hoạt động của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, đại biểu Quốc hội; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi) và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) cũng được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9. Theo đó, Luật sửa đổi, bổ sung 21 điều và bãi bỏ 17 điều của Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua năm 2014 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020) với những điểm mới và nội dung trọng tâm như sau:

Một là, phân định thẩm quyền của Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước (tại Điều 5); xác định cụ thể hơn những nội dung cần được quy định bằng luật, nghị quyết của Quốc hội để phân định thẩm quyền của Quốc hội với thẩm quyền của Chính phủ và các cơ quan nhà nước khác trong công tác xây dựng pháp luật và hoàn thiện thể chế. Đồng thời, Luật quy định có tính nguyên tắc, định hướng về mức độ chi tiết cần được quy định trong các đạo luật của Quốc hội, làm cơ sở cho việc thực hiện thẩm quyền làm luật và sửa đổi luật của Quốc hội, phù hợp với nội dung đổi mới tư duy trong công tác xây dựng pháp luật.

Việc quy định nội dung nêu trên trong Luật Tổ chức Quốc hội là xuất phát từ các ý kiến chỉ đạo của Trung ương và của cấp có thẩm quyền về việc Luật Tổ chức Quốc hội phải phân định rõ ràng, rành mạch phạm vi, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan theo đúng quy định của Hiến pháp. Đây là đạo luật quy định về tổ chức và hoạt động của Quốc hội nên việc bổ sung các nội dung nêu trên là cần thiết nhằm làm rõ hơn thẩm quyền của Quốc hội trong việc thực hiện nhiệm vụ “làm luật và sửa đổi luật” quy định tại khoản 1 Điều 70 của Hiến pháp năm 2013; bảo đảm liên thông, thống nhất với quy định của Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi) và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi).

Hai là, sửa đổi, bổ sung quy định về các cơ quan của Quốc hội (tại Chương IV) theo hướng Luật không quy định số lượng, tên gọi cụ thể của các

cơ quan của Quốc hội mà chỉ quy định khái quát về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội làm cơ sở để Quốc hội quyết định việc thành lập các cơ quan của Quốc hội theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Việc đổi mới cách thức quy định về các cơ quan của Quốc hội nêu trên là nhằm bảo đảm thuận lợi cho việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, hài hòa về cơ cấu tổ chức với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan sau khi thực hiện sắp xếp và cũng tương tự như đối với việc quy định cơ cấu tổ chức của Chính phủ theo Luật Tổ chức Chính phủ.

Ba là, sửa đổi, bổ sung quy định về Tổng Thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội (tại các điều 98, 99, 100 của Luật Tổ chức Quốc hội) bảo đảm phù hợp với Kết luận số 111-KL/TW của Bộ Chính trị, cụ thể là: xác định Tổng Thư ký Quốc hội đồng thời là Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; không quy định về Phó Tổng Thư ký, Ban Thư ký, về cơ quan của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bốn là, kết hợp sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến hoạt động của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội (tại các điều 12, 13, 30, 33, 39, 48, 90, 91, 92 của Luật Tổ chức Quốc hội) nhằm thực hiện các quy định mới của cấp có thẩm quyền hoặc trong quá trình thi hành Luật Tổ chức Quốc hội thời gian qua có phát sinh vướng mắc, bất cập, trong đó có việc Quốc hội lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn; việc đại biểu Quốc hội tham gia làm thành viên và tham gia hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; việc tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội; thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết; về kỳ họp Quốc hội...

Năm là, về việc sắp xếp, tổ chức các cơ quan của Quốc hội, thực hiện Kết luận số 111-KL/TW của Bộ Chính trị, ngay sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành, ngày 18/02/2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 178/2025/QH15 về việc tổ chức các cơ quan của Quốc hội, Nghị quyết số 179/2025/QH15 về số thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV làm cơ sở cho việc tổ chức lại các Ủy ban của Quốc hội và bầu bổ sung thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Theo Nghị quyết số 178/2025/QH15, các cơ quan của Quốc hội gồm **Hội đồng Dân tộc và 07 Ủy ban**: Pháp luật và Tư pháp; Kinh tế và Tài chính; Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại; Văn hóa và Xã hội; Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Công tác đại biểu; Dân nguyện và Giám sát. Như vậy, so với quy định

của Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020), Quốc hội **giảm 02** Ủy ban và **03** cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trong đó, có **03** cơ quan được thành lập trên cơ sở sáp nhập 02 Ủy ban trước khi thực hiện sắp xếp (*gồm Ủy ban Pháp luật và Tư pháp, Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Ủy ban Văn hóa và Xã hội*), **01** cơ quan tiếp nhận thêm nhiệm vụ của 01 cơ quan của Quốc hội kết thúc hoạt động (*Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại*); **02** cơ quan không thực hiện sắp xếp, sáp nhập (*gồm Hội đồng Dân tộc và Khoa học, Công nghệ và Môi trường*) và **02** cơ quan được thành lập mới trên cơ sở 02 cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội (*gồm Ủy ban Công tác đại biểu và Ủy ban Dân nguyện và Giám sát*).

Ngay sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 178/2025/QH15 và Nghị quyết số 179/2025/QH15 nêu trên, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng đã ban hành Nghị quyết số 71/2025/UBTVQH15 về nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể và cơ cấu tổ chức của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội; các nghị quyết quy định về số lượng Phó Chủ tịch/Phó Chủ nhiệm, Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm của Hội đồng, Ủy ban và các nghị quyết về phê chuẩn danh sách đối với Phó Chủ tịch/Phó Chủ nhiệm, Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm của Hội đồng, Ủy ban.

Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội sau sắp xếp đã chính thức hoạt động từ ngày 18/02/2025 bảo đảm việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được thông suốt, liên tục, không bị gián đoạn, bao quát toàn bộ nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trước khi thực hiện sắp xếp, đáp ứng yêu cầu của công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.

Trên đây là những điểm mới, nội dung trọng tâm của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội và việc sắp xếp, tổ chức các cơ quan của Quốc hội. Trong thời gian tới, Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội khẩn trương xây dựng, trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành các văn bản quy định về Nội quy kỳ họp Quốc hội; Quy chế làm việc của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Quy chế làm việc mẫu của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Văn phòng Quốc hội; việc quản lý công chức tại Vụ chuyên môn của Hội đồng, Ủy ban và việc bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội... để bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các nội dung được quy định trong Luật, Nghị quyết của Quốc hội.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Những điểm mới, nội dung trọng tâm của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và cơ cấu tổ chức, số lượng thành viên Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV

- Bộ Nội vụ -

Tại kỳ họp bất thường lần thứ 9 vừa qua, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV⁵, Nghị quyết về cơ cấu số lượng thành viên Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV⁶ do Bộ Nội vụ chủ trì tham mưu, xây dựng.

Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương có vai trò quan trọng trong việc xác định tổ chức bộ máy nhà nước, đảm bảo sự vận hành hiệu quả của bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương. Trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, việc sửa đổi, bổ sung các luật này đã giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu đổi mới quản trị quốc gia.

Dưới đây là những điểm mới, nội dung trọng tâm của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và cơ cấu tổ chức, số lượng thành viên Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV.

I. LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH PHỦ

1. Sự cần thiết và nguyên tắc xây dựng Luật Tổ chức Chính phủ

Luật Tổ chức Chính phủ được xây dựng trong bối cảnh đặc biệt của đất nước và được sửa đổi cùng thời điểm trong tổng thể chùm các Luật về tổ chức bộ máy, bám sát chủ trương của Đảng về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và yêu cầu thực tiễn đặt ra về tổ chức, hoạt động của Chính phủ, với vai trò là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, cơ quan chấp hành của Quốc hội; đồng thời, xác định Luật này là Luật gốc của nền hành chính nhà nước, làm cơ sở cho việc tổ chức, hoạt động của Chính phủ, trong đó quy định những nguyên tắc chung về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, ủy quyền, làm căn cứ pháp lý quan trọng để xây dựng, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các luật chuyên ngành, bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

⁵ Nghị quyết số 176/2025/QH15 về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV

⁶ Nghị quyết số 177/2025/QH15 về cơ cấu số lượng thành viên Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV

Nội dung cơ bản của Luật được thiết kế ngắn gọn gồm 5 Chương, 32 Điều bảo đảm tính kế thừa và khái quát cao theo yêu cầu đổi mới xây dựng pháp luật của Tổng Bí thư và Quốc hội, bảo đảm tính ổn định, lâu dài trong hệ thống pháp luật.

2. Một số điểm mới của Luật Tổ chức Chính phủ

Lần đầu tiên tại Luật Tổ chức Chính phủ thiết kế các điều về phân định thẩm quyền, phân cấp, phân quyền, ủy quyền, là căn cứ pháp lý quan trọng mang tính nguyên tắc để phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và mối quan hệ giữa Chính phủ với các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, cơ quan thực hiện quyền tư pháp; mối quan hệ giữa Chính phủ với chính quyền địa phương; các quy định mang tính nguyên tắc tại Luật này là căn cứ pháp lý quan trọng để xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành được đồng bộ, thống nhất.

Một số điểm mới của Luật được thể hiện qua các nội dung sau:

(1) Luật đã giải quyết được mối quan hệ giữa Chính phủ với các cơ quan trong hệ thống bộ máy nhà nước, giữa cơ quan thực hiện quyền hành pháp với cơ quan thực hiện quyền lập pháp, cơ quan thực hiện quyền tư pháp. Thông qua việc xác định rõ mối quan hệ này tại Luật đã xác định rõ vai trò của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, cơ quan thực hiện quyền hành pháp, bảo đảm cho Chính phủ chủ động, linh hoạt trong lãnh đạo, điều hành và thống nhất quản lý nền hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương.

(2) Luật đã làm rõ nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ với tư cách là người đứng đầu Chính phủ, lãnh đạo và chịu trách nhiệm về hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương; làm nổi bật nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương.

(3) Các quy định tại Luật đã làm rõ thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ với tư cách là người đứng đầu Bộ và với tư cách là thành viên Chính phủ. Trong đó đề cao trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ với tư cách là thành viên Chính phủ, chịu trách nhiệm trước Chính phủ về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực theo phân công của Chính phủ. Với tư cách này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chịu trách nhiệm cá nhân trước Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ và Quốc hội về ngành, lĩnh vực được phân công quản lý; giải trình, trả lời chất vấn của Đại biểu Quốc hội. Việc phân định rõ trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ sẽ tạo điều kiện để tăng cường trách nhiệm của Bộ trưởng trong Quy chế làm việc của

Chính phủ, không đẩy trách nhiệm quyết định các vấn đề cụ thể thuộc ngành, lĩnh vực lên Thủ tướng Chính phủ quyết định như hiện nay.

(4) Luật đã làm rõ mối quan hệ giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ với chính quyền địa phương thông qua các nguyên tắc phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, ủy quyền, bảo đảm bám sát phương châm: “**địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm**”, tạo cơ chế giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc về thể chế, khơi thông nguồn lực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương.

(5) Để thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân quyền, phân cấp giữa Trung ương và địa phương trong điều kiện hệ thống thể chế chưa được hoàn thiện đồng bộ, thống nhất với quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, đối với một số lĩnh vực ưu tiên, cấp bách, Luật Tổ chức Chính phủ đã quy định điều khoản chuyển tiếp, giao Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh một số nhiệm vụ, quyền hạn và quy định khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để thống nhất áp dụng.

Nguyên tắc thiết kế của Luật lần này được xem là một đột phá lớn, một quyết định mang tính lịch sử của Quốc hội khi lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp của nước ta Quốc hội giao cho Chính phủ thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, chưa có tiền lệ, trong một thời điểm lịch sử đặc biệt của đất nước. Đây là một quyết định táo bạo, thể hiện sự “**đột phá về tư duy lập pháp**”, thể hiện tinh thần đổi mới, dám nghĩ, dám làm của Chính phủ trong đề xuất xây dựng Luật và tinh thần đổi mới mạnh mẽ trong công tác lập pháp của Quốc hội.

3. Tổ chức thi hành luật

Để triển khai thi hành Luật kịp thời, hiệu quả, Bộ Nội vụ có Công văn số 1189/BNV-TCBC ngày 21/02/2025 gửi xin ý kiến các bộ, cơ quan ngang Bộ về dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ kèm theo Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Sau khi tổng hợp ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Bộ Nội vụ đã hoàn thiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ kèm theo Kế hoạch triển khai gửi Thủ tướng Chính phủ⁷ để ban hành Kế hoạch

II. LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

⁷ Văn bản số 015/BNV-TCBC ngày 03/3/2025

1. Sự cần thiết ban hành luật

Sau gần 10 năm thi hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, 04 năm thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019, sơ kết 03 năm thi hành các Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng cho thấy nhìn chung tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương các cấp đã dần đi vào ổn định, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được, các quy định của Luật còn một số hạn chế, bất cập sau: (1) Quy định về phân quyền, phân cấp, uỷ quyền tại Luật hiện hành còn chưa phù hợp với thực tiễn và chưa bảo đảm chặt chẽ để các luật chuyên ngành quy định thống nhất, đồng bộ; (2) Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương, HĐND, UBND các cấp chưa có sự phân biệt rõ theo từng cấp (tỉnh, huyện, xã) và theo đặc điểm đô thị, nông thôn, hải đảo; (3) Cơ cấu tổ chức của HĐND các cấp còn chưa tinh gọn, hoạt động có nơi còn hình thức, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của cơ quan đại diện, cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương; (4) Tổ chức của UBND các cấp còn chưa tinh gọn, hoạt động còn nặng về sự điều hành của tập thể UBND mà chưa phát huy được thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch UBND.

Theo đó, việc nghiên cứu, xây dựng và ban hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 nhằm khắc phục các hạn chế, bất cập nêu trên; đồng thời, kịp thời thể chế hoá các quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các luật về tổ chức bộ máy nhà nước là cần thiết.

2. Nguyên tắc xây dựng luật

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 được thiết kế xây dựng trên cơ sở 03 nguyên tắc cơ bản sau đây:

a) Xây dựng Luật này là Luật chung, quy định các nguyên tắc về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, uỷ quyền của chính quyền địa phương, làm cơ sở để các luật chuyên ngành khi quy định nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương trong các lĩnh vực cụ thể phải bảo đảm phù hợp và thống nhất với quy định của Luật này.

b) Tạo hành lang pháp lý để xử lý những vấn đề thực tiễn, tháo gỡ "điểm nghẽn về thể chế, chính sách" nhằm thực hiện được ngay các quan điểm chỉ đạo của Đảng về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương, phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương theo phương châm "*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*"; "*cấp nào giải quyết hiệu quả hơn thì giao nhiệm vụ, thẩm quyền cho cấp đó*".

c) Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, theo đó luật chỉ quy định những vấn đề có tính nguyên tắc, đúng thẩm quyền của Quốc hội nhằm bảo đảm tính ổn định lâu dài của luật, đồng thời dự liệu các vấn đề có thể thay đổi, biến động theo từng thời kỳ phát triển của đất nước để giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ quy định.

3. Những nội dung mới của luật

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 gồm 07 chương, 50 điều, giảm 01 chương và 93 điều so với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019 (sau đây gọi là Luật năm 2015) với các điểm mới cơ bản như sau:

a) Về phân định thẩm quyền, phân cấp, phân quyền, uỷ quyền

Luật quy định 01 chương về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, uỷ quyền giữa chính quyền địa phương các cấp với các điểm mới sau:

(1) Về nguyên tắc phân định thẩm quyền (Điều 11): Luật quy định 07 nguyên tắc phân định thẩm quyền (khoản 2 Điều 11), trong đó có những nội dung mới như: (i) Xác định rõ nội dung và phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn mà chính quyền địa phương được quyết định, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả; (ii) Bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo về nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan và giữa chính quyền địa phương các cấp; (iii) Phù hợp khả năng, điều kiện thực hiện nhiệm vụ của chính quyền địa phương các cấp; cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước cấp trên được bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn; (iv) Thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát quyền lực gắn với trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên; (v) Đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương; ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số,... Đồng thời, để khuyến khích tinh thần chủ động, sáng tạo của địa phương, Luật bổ sung quy định "*Chính quyền địa phương được chủ động đề xuất với cơ quan có thẩm quyền về việc phân quyền, phân cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ở địa phương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với khả năng và điều kiện thực tiễn của địa phương*" (khoản 3 Điều 11)

(2) Về phân quyền (Điều 12): Luật quy định rõ các yêu cầu, điều kiện của việc phân quyền như: (i) Việc phân quyền cho chính quyền địa phương các cấp phải được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội; (ii) Chính quyền địa phương tự chủ trong việc ra quyết định, tổ chức thi hành và tự chịu trách nhiệm trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền; (iii) Cơ quan nhà nước cấp trên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát về tính hợp hiến, hợp pháp trong việc chính quyền địa phương các cấp thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền.

(3) Về phân cấp (Điều 13) : Luật quy định một số điểm mới như: (i) Quy định rõ chủ thể phân cấp và chủ thể nhận phân cấp; (ii) Quy định trách nhiệm của cơ quan phân cấp trong việc bảo đảm các điều kiện để thực hiện việc phân cấp; (iii) Cơ quan nhận phân cấp chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan phân cấp về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; (iv) Không được phân cấp tiếp nhiệm vụ, quyền hạn mà mình nhận phân cấp; (v) Quy định về việc điều chỉnh thủ tục hành chính trong trường hợp thực hiện phân cấp.

(4) Về uỷ quyền (Điều 14): So với Luật năm 2015, Luật có các điểm mới sau: (i) Làm rõ và mở rộng phạm vi chủ thể uỷ quyền và chủ thể nhận uỷ quyền⁸; (ii) Quy định rõ yêu cầu của việc uỷ quyền (uỷ quyền phải bằng văn bản của cơ quan uỷ quyền; văn bản phải quy định rõ nội dung, phạm vi, thời hạn uỷ quyền); (iii) Quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan trong việc uỷ quyền và thực hiện nhiệm vụ uỷ quyền; (iv) Quy định việc sử dụng con dấu và hình thức văn bản khi thực hiện nhiệm vụ uỷ quyền, việc điều chỉnh thủ tục hành chính trong trường hợp thực hiện uỷ quyền.

b) Về nhiệm vụ của HĐND, UBND

Thực hiện nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm” và tránh quy định chồng chéo, trùng lặp nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương và giữa các cơ quan của chính quyền địa phương, Luật quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND và UBND ở mỗi ĐVHC theo hướng: (1) Phân định nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương và giữa HĐND và UBND cùng cấp; (ii) Phân định nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể UBND và cá nhân Chủ tịch UBND nơi tổ chức cấp chính quyền địa phương theo hướng tăng nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm cho cá nhân Chủ tịch UBND; (iii) Quy định nhiệm vụ, quyền hạn theo hướng khái quát, tập trung vào các lĩnh vực về tài chính ngân sách, tổ chức bộ máy, biên chế, hoạt động kiểm tra, giám sát...

⁸ Quy định về uỷ quyền của UBND, Chủ tịch UBND cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập cùng cấp hoặc UBND, Chủ tịch UBND cấp dưới; uỷ quyền giữa cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc UBND cấp trên cho UBND cấp dưới.

bảo đảm phù hợp với các nguyên tắc phân định thẩm quyền tại Điều 11 của Luật.

c) Về tổ chức và hoạt động của HĐND

So với Luật năm 2015, Luật đã quy định theo hướng: (1) Giữ nguyên nội dung về cơ cấu tổ chức của HĐND nhưng gộp chung 01 điều (Luật năm 2015 đưa vào từng điều riêng của từng loại hình ĐVHC); (2) Quy định khái quát hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, nhiệm vụ, quyền hạn của Đại biểu HĐND (các nội dung chi tiết về triệu tập, chủ trì phiên họp, khách mời, tài liệu, cung cấp thông tin về kỳ họp HĐND, tổ chức và hoạt động của các ban, tổ đại biểu HĐND,... sẽ hướng dẫn tại Quy chế hoạt động mẫu); (3) Sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn tổ chức thực hiện pháp luật như: không quy định Chủ tịch UBND đầu nhiệm kỳ là đại biểu HĐND; bổ sung quy định về trường hợp khuyết Chủ tịch HĐND, khuyết Thường trực HĐND; bổ sung quy định về tạm đình chỉ chức vụ Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng, phó Ban của HĐND,...

d) Về tổ chức và hoạt động của UBND

So với Luật năm 2015, Luật đã quy định theo hướng: (1) Quy định khái quát cơ cấu tổ chức của UBND gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các uỷ viên; giao Chính phủ quy định cụ thể; (2) Khái quát các nội dung và hoạt động của UBND (các nội dung chi tiết về triệu tập, chủ trì cuộc họp, khách mời, tài liệu, cung cấp thông tin về cuộc họp của UBND, trách nhiệm của Phó Chủ tịch và Uỷ viên UBND, ... sẽ hướng dẫn tại Quy chế hoạt động mẫu); (3) Quy định rõ các nội dung UBND phải thảo luận và quyết nghị, những nội dung UBND có thể uỷ quyền cho Chủ tịch UBND quyết định.

đ) Về tổ chức ĐVHC, thành lập, giải thể, nhập chia ĐVHC, điều chỉnh địa giới và đổi tên ĐVHC

So với Luật năm 2015, Luật đã đổi tên chương và thứ tự của Chương II Tổ chức ĐVHC, thành lập, giải thể, nhập chia ĐVHC, điều chỉnh địa giới và đổi tên ĐVHC⁹ để bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013. Luật đã quy định một số nguyên tắc tổ chức ĐVHC, điều kiện thành lập, giải thể, nhập chia ĐVHC, điều chỉnh địa giới ĐVHC. Bên cạnh đó, so với Luật năm 2015, Luật đã quy định theo hướng khái quát về trình tự, thủ tục thành lập, giải thể, nhập chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC và giao Chính phủ quy định cụ thể về việc xây dựng, lấy ý kiến cử tri, khảo sát, thẩm định đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC, bảo đảm tính linh hoạt và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

⁹ Luật hiện hành quy định các nội dung này tại Chương VIII. Thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC.

e) Về điều khoản chuyển tiếp

Kế thừa quy định của Luật năm 2015, Luật tiếp tục quy định “Việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương, các cơ quan của chính quyền địa phương tại các văn bản quy phạm pháp luật phải phù hợp với quy định tại Luật này, bảo đảm quyền lực nhà nước được kiểm soát hiệu quả” (Điều 11).

Tuy nhiên, trong bối cảnh hệ thống pháp luật đang tồn tại nhiều vướng mắc, không bảo đảm tính thống nhất với các nguyên tắc về tại Luật này, Luật đã quy định về điều khoản chuyển tiếp theo hướng: (i) Đối với các luật chuyên ngành chưa phù hợp với các nguyên tắc phân định thẩm quyền, phân cấp, uỷ quyền tại Luật này, trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, phải tiến hành rà soát và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; (ii) Để kịp thời đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho chính quyền địa phương trong một số lĩnh vực ưu tiên, cấp bách, giao Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền phân định lại nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương và điều chỉnh các quy định khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương để thống nhất áp dụng trong thời gian chưa sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trường hợp liên quan đến luật, nghị quyết của Quốc hội thì báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

4. Tổ chức thi hành luật

Để triển khai thi hành Luật kịp thời, hiệu quả, Bộ Nội vụ đang xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật (trong đó xác định rõ các công việc như: Tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung của Luật; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết các nội dung được giao trong Luật; sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật để phù hợp với Luật; tổ chức theo dõi, kiểm tra và báo cáo kết quả thi hành pháp luật; trách nhiệm chủ trì và phối hợp của các Bộ, các cơ quan Trung ương và các địa phương; xác định thời hạn và tiến độ hoàn thành nhiệm vụ). Dự thảo Kế hoạch đang gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan trung ương trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

III. CƠ CẤU, SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN CỦA CHÍNH PHỦ NHIỆM KỲ QUỐC HỘI KHÓA XV

1. Cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, gồm: 14 Bộ và 03 cơ quan ngang Bộ:

1. Bộ Quốc phòng;
2. Bộ Công an;
3. Bộ Ngoại giao;
4. Bộ Nội vụ;
5. Bộ Tư pháp;
6. Bộ Tài chính;
7. Bộ Công Thương;
8. Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
9. Bộ Xây dựng;
10. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
11. Bộ Khoa học và Công nghệ;
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo;
13. Bộ Y tế;
14. Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
15. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
16. Thanh tra Chính phủ;
17. Văn phòng Chính phủ.

2. Cơ cấu số lượng thành viên Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV gồm 25 thành viên:

- Thủ tướng Chính phủ;
- 07 Phó Thủ tướng Chính phủ;
- 14 Bộ trưởng các Bộ: Quốc phòng; Công an; Ngoại giao; Nội vụ; Tư pháp; Tài chính; Công Thương; Nông nghiệp và Môi trường; Xây dựng; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Khoa học và Công nghệ; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Dân tộc và Tôn giáo;
- 03 Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Tổng Thanh tra Chính phủ; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Những điểm mới, nội dung trọng tâm của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị quyết về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; việc chuẩn bị nguồn lực cho công tác triển khai thi hành

- Bộ Tư pháp -

A. LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Ngày 19/02/2025, Quốc hội khoá XV tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9 đã thông qua Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2025. Việc ban hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm tiếp tục thể chế đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là chủ trương đổi mới tư duy, đổi mới quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), đồng thời, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi, dễ tiếp cận, hiệu lực và hiệu quả, dễ áp dụng trên thực tế, khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

I. Khái quát một số nội dung trọng tâm của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Về mục đích xây dựng Luật

Việc xây dựng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi) nhằm kịp thời tháo gỡ những điểm nghẽn về thể chế, tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho việc xây dựng và vận hành hệ thống VBQPPL thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi, dễ tiếp cận, hiệu lực và hiệu quả, dễ áp dụng trên thực tế, khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong kỷ nguyên mới.

2. Về quan điểm chỉ đạo

a) Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật, xác định rõ việc lãnh đạo công tác xây dựng thể chế, hoàn thiện pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các cấp ủy, tổ chức đảng. Thể chế hóa kịp thời, đúng, đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, đặc biệt là ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội về đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, trong đó đặt ra một số yêu cầu đối với việc xây dựng pháp luật như vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, khơi thông nguồn lực để phát triển; bám sát yêu cầu của thực tiễn, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, không đẩy khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong ban hành và tổ

chức thi hành pháp luật, dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền với tinh thần “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”, cải cách triệt để thủ tục hành chính; quy định của luật phải mang tính ổn định, lâu dài, các luật điều chỉnh nội dung về kiến tạo phát triển thì quy định vấn đề khung, nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn vấn đề thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, bộ, ngành, địa phương quy định.

b) Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các nước về xây dựng, ban hành VBQPPL.

c) Kế thừa những nội dung còn phù hợp của Luật năm 2015, đồng thời, đổi mới quy trình xây dựng pháp luật theo hướng bảo đảm tính chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả gắn với tăng cường kỷ cương, kỷ luật, trách nhiệm của các cơ quan, nhất là người đứng đầu trong xây dựng pháp luật.

d) Bảo đảm đầu tư nguồn lực cho công tác xây dựng và tổ chức thi hành VBQPPL tương xứng với tính chất đột phá chiến lược, “đột phá của đột phá”. Bảo đảm gắn kết giữa công tác xây dựng với tổ chức thi hành VBQPPL.

3. Các quy định mới quan trọng, mang tính đột phá của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sau đây gọi tắt là Luật năm 2025) gồm 9 chương, 72 điều (giảm 8 chương, 101 điều so với Luật năm 2015, giảm tương ứng với **53%** số chương và **58,4%** số điều).

Với việc giảm số lượng chương, điều so với Luật hiện hành là nhằm thể chế hóa Kết luận số 119-KL/TW của Bộ Chính trị về việc “sửa đổi Luật Ban hành VBQPPL theo hướng chỉ quy định cụ thể trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành VBQPPL của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội”, “đổi với các văn bản dưới luật, luật quy định một số nguyên tắc chung nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và giao các chủ thể có thẩm quyền ban hành văn bản quy định trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành VBQPPL thuộc thẩm quyền”. Với tinh thần đó, chỉ tính riêng nội dung quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành VBQPPL của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương dự kiến giao Chính phủ quy định chi tiết cũng đã giảm 57 điều so với Luật năm 2015.

Mặt khác, với mục tiêu đổi mới mạnh mẽ quy trình xây dựng pháp luật vừa bảo đảm rút ngắn thời gian, vừa nâng cao “năng suất”, kịp thời đáp ứng yêu cầu của thực tiễn phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, vừa bảo đảm “chất

lượng” VBQPPL, Luật năm 2025 quy định: (i) **đơn giản** một số thủ tục, **rút ngắn** thời gian tổng thể (thời gian xây dựng, ban hành luật có thể rút ngắn từ **22 tháng xuống còn khoảng 10 tháng**); (ii) **đơn giản hóa** quy trình về **tổng thể, tập trung** thời gian, nguồn lực vào **một số bước quan trọng**, để nâng cao chất lượng chính sách và dự thảo luật (bổ sung nội dung thẩm định, thẩm tra; tăng thời hạn thẩm định, thẩm tra; bổ sung quy định về tham vấn chính sách; bổ sung quy định về trách nhiệm xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng trong xây dựng pháp luật). Nội dung cơ bản của Luật:

3.1. Tiếp tục đơn giản hoá hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; bổ sung nguyên tắc kiểm soát quyền lực trong xây dựng và thi hành pháp luật; phân định rõ thẩm quyền lập pháp và lập quy

a) Tiếp tục đơn giản hóa hệ thống VBQPPL

Theo Luật năm 2015, hệ thống VBQPPL hiện nay bao gồm 41 hình thức, do 36 chủ thể có thẩm quyền ban hành. Với chủ trương tiếp tục “đơn giản hóa, giảm tầng nấc, loại hình VBQPPL”, trong đó xác định lại thẩm quyền ban hành VBQPPL của một số chủ thể theo Hiến pháp năm 2013 và căn cứ vào định nghĩa mới về VBQPPL quy định tại Điều 2, Luật năm 2025 quy định:

- Bỏ thẩm quyền ban hành VBQPPL của chính quyền cấp xã để thể chế hoá ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 119-KL/TW, đồng thời bảo đảm sự phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

- Thay đổi 01 hình thức từ quyết định Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành sang hình thức thông tư để bảo đảm tính tương đồng, thống nhất với hình thức VBQPPL do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành.

- Bổ sung 01 hình thức VBQPPL do Chính phủ ban hành là nghị quyết theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 119-KL/TW nhằm đáp ứng nhu cầu giải quyết các vấn đề cấp bách phát sinh từ thực tiễn⁽¹⁰⁾.

Như vậy, so với Luật năm 2015, Luật năm 2025 bỏ hình thức và thẩm quyền ban hành VBQPPL của HĐND, UBND cấp xã, bổ sung 01 hình thức nghị quyết quy phạm pháp luật của Chính phủ, thay đổi 01 hình thức từ quyết định sang hình thức thông tư của Tổng Kiểm toán nhà nước. Do đó, Luật năm 2025 có tổng số 25 hình thức VBQPPL và do 14 chủ thể có thẩm quyền ban hành.

b) Bổ sung nguyên tắc kiểm soát quyền lực trong xây dựng và thi hành pháp luật

Với mục tiêu thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới tư duy xây dựng pháp luật và nâng cao hiệu quả kiểm soát

⁽¹⁰⁾ Xem thêm: Mục 3.2.

quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm trong xây dựng VBQPPL, Luật năm 2025 đã, bổ sung một số nguyên tắc quan trọng: (i) Bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia, lợi ích quốc gia, dân tộc; kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; phòng, chống lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ; (ii) xây dựng, ban hành VBQPPL phải tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; bảo đảm việc thực hiện chủ trương phân quyền, phân cấp; kịp thời giải quyết vấn đề bất cập, phát sinh từ thực tiễn; vấn đề mới, xu hướng mới; yêu cầu quản lý nhà nước và khuyến khích sáng tạo, khơi thông mọi nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Ngoài ra, việc tăng cường kiểm soát quyền lực trong xây dựng và tổ chức thi hành VBQPPL còn được thể hiện tại nội dung cụ thể của một số điều như việc xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền của Đảng đối với việc xây dựng, ban hành VBQPPL trong trường hợp đặc biệt (Điều 52), trách nhiệm xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của đảng (Điều 67), trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 68)...

c) Phân định rõ thẩm quyền lập pháp và lập quy

Để bảo đảm rõ ràng, dễ hiểu và bảo đảm tính linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể có thẩm quyền làm căn cứ xác định ban hành VBQPPL để giải quyết các vấn đề của thực tiễn, trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm của các nước, kế thừa, nội dung quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), khoản 1 Điều 3 Luật năm 2025 quy định về khái niệm “quy phạm pháp luật” theo hướng mở với 03 tiêu chí cơ bản: (i) quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung; (ii) được áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định; (iii) do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định trong Luật này ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện. Đồng thời, khoản 2 Điều 3 Luật năm 2025 cũng đã bổ sung quy định giải thích từ ngữ “chính sách”. Quy định này là phù hợp với thông lệ quốc tế và là cơ sở quan trọng để phân định thẩm quyền lập pháp, lập quy, tăng cường ban hành các luật đa ngành để giải quyết một vấn đề cụ thể của thực tiễn, ngắn gọn, tương tự như kinh nghiệm một số nước.

3.2. Bổ sung hình thức nghị quyết quy phạm pháp luật của Chính phủ để giải quyết các vấn đề cấp bách, quan trọng phát sinh từ thực tiễn

Thực tiễn công tác chỉ đạo, điều hành và phản ứng chính sách của Chính phủ trong thời gian qua, đặc biệt là trong giai đoạn phòng, chống đại dịch Covid-19 và phục hồi kinh tế sau đại dịch đã đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu, bổ sung thẩm quyền của Chính phủ trong việc ban hành một hình thức VBQPPL với quy trình xây dựng, ban hành nhanh gọn, kịp thời để văn bản có hiệu lực sau khi ban hành nhằm xử lý ngay vấn đề thực tiễn phát sinh. Ngoài ra, Luật năm 2015 chưa quy

định thẩm quyền của Chính phủ trong việc ban hành VBQPPL để thực hiện thí điểm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Chính phủ, dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, chưa bảo đảm được sự linh hoạt và tính kịp thời trong chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Do đó, để giải quyết vướng mắc trong thực tiễn, khoản 5 Điều 4 và khoản 2 Điều 14 Luật năm 2025 bổ sung quy định về thẩm quyền của Chính phủ ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật để: (i) giải quyết các vấn đề cấp bách, quan trọng phát sinh từ thực tiễn và để áp dụng trong một thời gian nhất định, phạm vi cụ thể thuộc thẩm quyền của Chính phủ; (ii) tạm ngưng, điều chỉnh hiệu lực hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần nghị định của Chính phủ đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; (iii) thực hiện thí điểm một số chính sách chưa có pháp luật điều chỉnh thuộc thẩm quyền của Chính phủ hoặc khác với nghị định, nghị quyết hiện hành.

3.3. Đổi mới việc xây dựng định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội và chương trình lập pháp hằng năm với tính chất linh hoạt cao, nhằm mục đích định hướng cho hoạt động lập pháp

a) Đổi mới việc xây dựng chương trình lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội chủ trì, phối hợp với Chính phủ, cơ quan, tổ chức xây dựng Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội, hoàn thành trước ngày 01 tháng 9 của năm đầu tiên của nhiệm kỳ Quốc hội khoá mới, để trình cơ quan có thẩm quyền của Đảng phê duyệt. Việc quy định thời điểm thông qua Định hướng như trên sẽ bảo đảm tính hợp lý, đồng bộ trong việc xây dựng Định hướng với việc tổng kết thực hiện Đề án định hướng của nhiệm kỳ hiện tại và có khoảng thời gian phù hợp để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện theo văn kiện Đại hội Đảng khóa mới.

- Định hướng lập pháp nhiệm kỳ được xây dựng dựa trên các căn cứ như chủ trương, đường lối của Đảng, các định hướng, kết luận của cơ quan có thẩm quyền của Đảng và Nhà nước; kết quả thực hiện Định hướng lập pháp của nhiệm kỳ hiện tại, yêu cầu tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật; vấn đề mới, xu hướng mới cần có pháp luật điều chỉnh; yêu cầu giải quyết vấn đề bất cập, phát sinh từ thực tiễn.

- Nội dung định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội bao gồm danh mục các nhiệm vụ rà soát, nghiên cứu, đề xuất ban hành, sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh, nghị quyết và được phân kỳ theo thứ tự ưu tiên hằng năm của nhiệm kỳ Quốc hội.

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành kế hoạch triển khai thực hiện ngay sau khi Định hướng được phê duyệt. Theo đó, Chính phủ có thể chủ động giao các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì xây dựng chính sách, soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết ngay từ thời điểm này. Trong quá trình rà soát thực hiện các nhiệm vụ lập pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo có thể chủ động xây dựng chính sách, soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết.

b) Về xây dựng, triển khai thực hiện chương trình lập pháp hằng năm

Luật năm 2025 quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cơ quan có thẩm quyền quyết định Chương trình theo trình tự, thủ tục gồm 03 bước (i) Đề xuất xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết; (ii) Rà soát, đề xuất ý kiến về dự kiến Chương trình; (iii) Xem xét, thông qua Chương trình: Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổ chức phiên họp xem xét, thông qua nghị quyết về Chương trình lập pháp hằng năm; Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định Chương trình lập pháp năm tiếp theo trước ngày 01 tháng 10 hằng năm. Để bảo đảm tính linh hoạt của Chương trình lập pháp, khoản 2 Điều 26 quy định, trường hợp cần ban hành luật, nghị quyết ngay tại kỳ họp Quốc hội đang diễn ra hoặc kỳ họp gần nhất để giải quyết ngay vấn đề cấp bách, vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn mà nội dung đề xuất chưa có trong Chương trình lập pháp hằng năm thì cơ quan trình dự án chủ động tổ chức việc soạn thảo và không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách; gửi hồ sơ dự án để Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thẩm tra, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến đồng thời quyết định việc bổ sung vào dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội để trình Quốc hội xem xét, thông qua.

3.4. Đổi mới quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

a) Đổi mới quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thứ nhất, tách quy trình chính sách khỏi việc lập Chương trình lập pháp hằng năm (các cơ quan đề xuất lập chương trình lập pháp hằng năm không phải xây dựng hồ sơ chính sách khi đề xuất xây dựng chương trình).

Thứ hai, phân định rõ quy trình chính sách và quy trình soạn thảo, trong đó cơ quan trình quyết định chính sách, thực hiện soạn thảo và trình Quốc hội quyết định nhằm tạo sự linh hoạt, mở rộng tối đa quyền cho cơ quan trình, nhất là Chính phủ để Chính phủ linh hoạt, chủ động điều hành, ứng phó với các tình huống của thực tiễn.

Thứ ba, đơn giản hoá quy trình nhằm tăng tính chủ động, linh hoạt, rõ ràng, minh bạch trong việc xây dựng, ban hành VBQPPL của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, kịp thời đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

- Thu hẹp các trường hợp VBQPPL cần thực hiện quy trình 02 giai đoạn (xây dựng chính sách và soạn thảo). Theo đó, trên cơ sở chính sách đã được Chính phủ thông qua, Điều 27 Luật năm 2025 quy định 03 trường hợp phải xây dựng chính sách: (i) luật, pháp lệnh mới; luật, pháp lệnh thay thế các luật, pháp lệnh hiện hành; (ii) luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân; (iii) nghị quyết thí điểm của Quốc hội. Đối với các luật, pháp lệnh, nghị quyết còn lại sẽ thực hiện quy trình soạn thảo mà không cần thực hiện quy trình chính sách.

- Quy định đơn giản, hợp lý hơn về quy trình xây dựng chính sách và quy trình soạn thảo (quy phạm hóa chính sách). Trong đó, quy trình chính sách sẽ được thực hiện trong phạm vi Chính phủ và cơ quan trình, gồm 04 bước cơ bản, tương tự như Luật năm 2015, nhưng có đơn giản một số thủ tục. Đặc biệt, Luật năm 2025 đã bổ sung hoạt động tham vấn chính sách nhằm tìm kiếm sự đồng thuận, lựa chọn giải pháp tối ưu, hoàn thiện chính sách làm cơ sở soạn thảo VBQPPL, cũng như bảo đảm tính khả thi của chính sách trong cuộc sống; nội dung được tham vấn là một hoặc một số chính sách liên quan trực tiếp tới phạm vi, lĩnh vực phụ trách của các cơ quan được tham vấn.

b) Xây dựng, ban hành VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt

Luật năm 2025 kế thừa quy định hiện hành và sửa đổi, bổ sung một số quy định sau: (i) quy định rõ thời điểm đề xuất áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn là trước hoặc trong quá trình soạn thảo VBQPPL nhằm bảo đảm tính linh hoạt, tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan có thẩm quyền có thể áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn ở bất kỳ thời điểm nào, khi phát sinh yêu cầu cần áp dụng. (ii) Cho phép áp dụng thủ tục rút gọn để xây dựng thông tư trong tất cả các trường hợp, tương tự như các loại VBQPPL khác; giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ sẽ tự quyết định việc ban hành thông tư theo thủ tục rút gọn mà không cần phải xin ý kiến Bộ Tư pháp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định. (iii) Quy định rõ trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành VBQPPL theo thủ tục rút gọn với mục tiêu vừa đơn giản, hợp lý hoá quy trình nhưng vừa phải bảo đảm chất lượng của văn bản.

Đối với xây dựng, ban hành VBQPPL trong trường hợp đặc biệt: để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, trên cơ sở Đề án đổi mới quy trình xây dựng pháp luật đã được Bộ Chính trị cho ý kiến, Luật năm 2025 bổ sung quy định về việc xây dựng VBQPPL theo trình tự, thủ tục đặc biệt, trong đó quy định: (i) khi được Bộ Chính trị đồng ý và trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp hoặc xảy ra sự cố, thảm họa theo quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự hoặc sự kiện bất khả kháng hoặc các vấn đề cấp bách, quan trọng của đất nước, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ ban

hành VBQPPL trong trường hợp đặc biệt; (ii) Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ giao cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan soạn thảo, trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ xem xét, thông qua.

3.5. Bổ sung đa dạng các hình thức lấy ý kiến, phù hợp với từng đối tượng

Luật năm 2025 đã quy định các hình thức lấy ý kiến gồm: phản biện xã hội, tham vấn chính sách, lấy ý kiến góp ý đối với chính sách, dự thảo VBQPPL. Về phản biện xã hội đối với dự thảo và lấy ý kiến góp ý đối với chính sách, dự thảo là các hình thức kế thừa Luật năm 2015. Để đáp ứng yêu cầu lấy ý kiến thực chất, đa dạng, Luật năm 2025 đã quy định hình thức phản biện xã hội do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của Luật này, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các luật khác có liên quan, quá trình phản biện cơ quan chủ trì soạn thảo cử đại diện tham gia cuộc họp phản biện xã hội.

Đối với hình thức lấy ý kiến góp ý chính sách, dự thảo, Luật năm 2025 đã mở rộng đối tượng lấy ý kiến là các Đoàn đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đối với quy trình xây dựng chính sách.

Tham vấn chính sách là quy định mới trong Luật năm 2025. Việc bổ sung tham vấn chính sách nhằm mục đích thể chế hóa ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư về việc “nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật”, trong xây dựng VBQPPL “không để lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ”, “chính sách phải cụ thể, rõ ràng”; khắc phục những tồn tại, hạn chế hiện nay trong quy trình xây dựng pháp luật, nhất là trong quy trình lập đề nghị việc xây dựng chính sách chưa được quan tâm đúng mức, nâng cao chất lượng của chính sách và dự thảo VBQPPL.

Luật năm 2025 quy định đối tượng tham vấn chính sách là Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực liên quan trực tiếp đến nội dung chính sách. Đây là các cơ quan có thẩm quyền được giao tham mưu quyết định chính sách, tham mưu quyết định dự án luật. Do đó, muốn chính sách thực chất thì cần phải tham vấn các đối tượng này để tìm kiếm sự phản biện, làm cơ sở hoàn thiện và tạo sự đồng thuận đối với chính sách, từ đó làm cơ sở cho việc soạn thảo. Nội dung tham vấn có trọng tâm, trọng điểm hơn, gắn kết giữa nội dung chính sách với chức năng, nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực của các cơ quan được tham vấn. Phương thức tham vấn là trực tiếp, tổ chức hội nghị tham vấn; có sự trao đổi, đối thoại, phản biện trực tiếp giữa cơ quan tham vấn và đối tượng được tham vấn.

3.6. Quy định cơ quan trình dự án luật chủ trì tiếp thu, chỉnh lý dự án luật theo ý kiến của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; phân định rõ vai trò, tăng cường cơ chế phối hợp giữa cơ quan trình, cơ quan thẩm tra trong quá trình trình, thẩm tra, cho ý kiến, chỉnh lý, hoàn thiện dự án luật

Với tinh thần mỗi nhiệm vụ chỉ giao cho một người chủ trì và chịu trách nhiệm, thể chế chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Công văn số 12918-CV/VPTW, Công văn số 13078-CV/VPTW và Kết luận số 119-KL/TW, để bảo đảm được tính liên tục trong suốt quá trình xây dựng dự án luật, từ đề xuất, soạn thảo, trình cho đến khâu chỉnh lý Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời, bảo đảm tốt hơn việc thi hành luật sau khi được Quốc hội thông qua, Luật năm 2025 quy định cơ quan trình chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm tra và các cơ quan có liên quan trong việc nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội để chỉnh lý dự thảo luật, nghị quyết.

Đồng thời, Luật năm 2025 bổ sung các quy định nhằm phân định rõ vai trò cũng như tăng cường cơ chế phối hợp giữa của cơ quan trình, cơ quan thẩm tra và Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong quá trình trình, thẩm tra, cho ý kiến, chỉnh lý, hoàn thiện dự án luật.

Để bảo đảm chất lượng của dự án luật, Luật năm 2025 quy định về việc lùi thời điểm trình Quốc hội thông qua để tiếp tục hoàn thiện trình Quốc hội tại kỳ họp tiếp theo hoặc trình lại trong 02 trường hợp: (i) trường hợp cơ quan trình và Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa thống nhất thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan trình quyết định hoặc báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định lùi thời điểm trình Quốc hội thông qua (Điều 38, Điều 40); (ii) trường hợp dự thảo luật, nghị quyết chưa được thông qua, Quốc hội xem xét, quyết định lùi thời điểm thông qua (khoản 11 Điều 40).

3.7. Bổ sung các quy định về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan trong quá trình xây dựng, tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

- Về trách nhiệm xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng trong xây dựng VBQPPL: Điều 67 Luật năm 2025 quy định về trách nhiệm xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng (những vấn đề cần phải xin ý kiến; trình tự, thủ tục xin ý kiến). Ngoài ra, Luật năm 2025 còn quy định về việc báo cáo, xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền của Đảng để ban hành VBQPPL trong trường hợp đặc biệt.

- Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành VBQPPL; chịu trách nhiệm khi

để xảy ra tình trạng chậm tiến độ trình văn bản hoặc ban hành văn bản trái pháp luật, để xảy ra hành vi tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ trong xây dựng pháp luật của người do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ (Điều 68). Đồng thời, Luật năm 2025 bổ sung quy định miễn trừ, giảm nhẹ trách nhiệm cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, công chức làm công tác xây dựng pháp luật nếu đã kịp thời áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, lãng phí trong công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành VBQPPL (khoản 11 Điều 68).

3.8. Bổ sung quy định hướng dẫn áp dụng VBQPPL dưới luật nhằm bảo đảm sức sống của pháp luật thay vì thường xuyên thay đổi pháp luật

Thứ nhất, hướng dẫn áp dụng VBQPPL được thực hiện đối với VBQPPL trừ Hiến pháp, luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thứ hai, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành VBQPPL xem xét, hướng dẫn áp dụng đối với văn bản do mình ban hành bằng văn bản hành chính, trên cơ sở đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trường hợp cần thiết, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành văn bản hành chính để hướng dẫn áp dụng.

Thứ ba, việc hướng dẫn áp dụng VBQPPL được thực hiện theo các trường hợp, nguyên tắc, tiêu chí tương tự như giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh, nghị quyết. Theo đó, hướng dẫn áp dụng VBQPPL được thực hiện trong 02 trường hợp và 04 thứ tự nguyên tắc, tiêu chí. Việc hướng dẫn áp dụng VBQPPL không được đặt ra quy định mới.

Như vậy, hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định của Luật năm 2025 chính là hướng dẫn quy định trong VBQPPL mà không phải là hướng dẫn áp dụng VBQPPL đối với từng vụ việc, trường hợp cụ thể. Mục đích của việc hướng dẫn là bảo đảm các cơ quan, tổ chức hiểu đúng và thống nhất quy định trong VBQPPL. Các cơ quan, tổ chức có thể căn cứ vào nội dung hướng dẫn để quyết định việc áp dụng pháp luật cho từng trường hợp cụ thể và chịu trách nhiệm đối với việc áp dụng pháp luật của mình. Với các quy định về hướng dẫn áp dụng VBQPPL như Luật năm 2025 sẽ giúp xử lý nhanh các vấn đề thực tiễn và không tốn kém chi phí, nhân lực để sửa đổi, bổ sung VBQPPL.

3.9. Bổ sung quy định về tổ chức thi hành VBQPPL và nguồn lực bảo đảm cho công tác xây dựng, tổ chức thi hành VBQPPL (nguồn nhân lực và cơ sở vật chất, kinh phí)

Đối với tổ chức thi hành VBQPPL, Luật năm 2025 quy định về: (i) nội dung tổ chức thi hành VBQPPL gồm ban hành văn bản quy định chi tiết thi

hành, phổ biến VBQPPL, kiểm tra, theo dõi việc thi hành VBQPPL... (ii) quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, người có thẩm quyền trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thi hành VBQPPL và báo cáo hoặc cung cấp thông tin về tổ chức thi hành theo quy định của pháp luật; (iii) kế thừa quy định Chương XV và Chương XVI Luật năm 2015 và sửa đổi, bổ sung một số nội dung về giám sát, kiểm tra, xử lý, hợp nhất, pháp điển, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Đối với nguồn lực thi hành, Luật năm 2025 dành 02 điều để quy định về bảo đảm nguồn lực cho công tác xây dựng và tổ chức thi hành VBQPPL nhằm thể chế hóa chủ trương phát triển nguồn nhân lực làm công tác xây dựng pháp luật có bản lĩnh chính trị, vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, thành thạo chuyên môn. Quan tâm bố trí đủ nguồn lực, có cơ chế tài chính và chế độ, chính sách đặc thù cho công tác và cán bộ làm công tác pháp chế, xây dựng pháp luật, xác định đầu tư cho xây dựng pháp luật là đầu tư cho phát triển; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong xây dựng pháp luật.

Đặc biệt, Luật năm 2025 đã quy định Quốc hội ban hành cơ chế đặc thù về kinh phí cho công tác xây dựng pháp luật, điều này là cần thiết, để đáp ứng thỏa đáng yêu cầu về công tác hoàn thiện thể chế.

II. Việc chuẩn bị nguồn lực cho công tác triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Việc thi hành Luật Ban hành VBQPPL về cơ bản không làm phát sinh các nhu cầu về nguồn nhân lực và tài chính mới để thực hiện. Tuy nhiên, trường hợp Luật được thông qua, trong đó có giải pháp “bổ sung quy định về bảo đảm nguồn lực về con người và kinh phí; ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ trong xây dựng, ban hành và thi hành VBQPPL” có thể sẽ làm phát sinh thêm nguồn lực kinh phí trong việc: (i) đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật; (ii) xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu pháp luật “thông minh”; (iii) nghiên cứu, xây dựng và ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo, dữ liệu lớn để thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất VBQPPL...

1. Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật

Bộ Tư pháp chủ động ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó xác định rõ các nhiệm vụ và lộ trình thực hiện cụ thể triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm sau ngày 01/4/2025, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện thống nhất, đồng bộ và hiệu quả, bao gồm các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tổ chức quán triệt việc thi hành và phổ biến nội dung của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Tổ chức rà soát các VBQPPL hiện hành liên quan đến hoạt động xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng báo cáo kết quả rà soát và đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các VBQPPL để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật.

- Xây dựng các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật; sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các VBQPPL liên quan để đảm bảo phù hợp với Luật.

- Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu pháp luật.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo, dữ liệu lớn để thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất VBQPPL.

- Rà soát, đánh giá hằng năm chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật; giám sát hoạt động xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật của đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật tuân thủ quy định của pháp luật, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ hằng năm.

- Phổ biến, quán triệt về nội dung về chuyên tiếp trong xây dựng pháp luật mà tập trung chính là việc điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 (Chương trình lập pháp năm 2025). Theo đó, đối với dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 (Chương trình lập pháp năm 2025) kể từ ngày Luật năm 2025 được thông qua (ngày 19/02/2025) thì việc xây dựng, ban hành được thực hiện theo quy định của Luật năm 2025.

Các dự án luật, nghị quyết đã có hoặc được điều chỉnh vẫn thuộc trong Chương trình năm 2025 trước ngày Luật này được thông qua thì việc điều chỉnh thời gian trình, soạn thảo, trình, xem xét, cho ý kiến và thông qua được thực hiện theo quy định của Luật năm 2015.

2. Xây dựng, ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật

Trên cơ sở các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đã rà soát các nội dung được giao quy định chi tiết, tổng hợp, báo cáo Chính phủ về việc xây dựng, trình Chính phủ ban hành 03 Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật. Thời hạn ban hành các văn bản quy định chi tiết đảm bảo có hiệu lực đồng thời với Luật năm 2025. Bên

cạnh đó, tiếp tục nâng cao chất lượng công tác thẩm định các VBQPPL, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ động rà soát, xác định các nhiệm vụ cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành.

UBND cấp tỉnh chủ động nghiên cứu ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với tình hình của địa phương; tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ được đề ra.

3. Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng pháp luật về ban hành và tổ chức thi hành pháp luật cho các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan

Để triển khai có hiệu quả, kịp thời và đồng bộ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đến các đối tượng áp dụng của Luật, các Bộ, ngành, địa phương chủ động tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định chi tiết tới các cơ quan, cá nhân, tổ chức có liên quan.

III. Một số nhiệm vụ, giải pháp

Để đảm bảo việc triển khai thi hành đồng bộ, hiệu quả Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như sau:

1. Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

a) Tổ chức thực hiện phổ biến, quán triệt các nội dung của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật đến các tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý với các hình thức phù hợp với yêu cầu, điều kiện, tình hình thực tiễn.

b) Tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các VBQPPL có liên quan đến hoạt động ban hành và tổ chức thi hành pháp luật để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật chuyên ngành quy định về các loại giao dịch phải ban hành và tổ chức thi hành pháp luật...

c) Tiếp tục quan tâm, chủ động thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc thẩm quyền để nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động ban hành và tổ chức thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành.

2. Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

UBND cấp tỉnh quan tâm, chỉ đạo Sở Tư pháp tập trung thực hiện một số công việc cụ thể như sau:

a) Nghiên cứu, báo cáo, tham mưu UBND cấp tỉnh việc tổ chức triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ được đề ra.

b) Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND cấp tỉnh trong việc bảo đảm nguồn lực về kinh phí; ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ trong xây dựng, ban hành và thi hành VBQP.

c) Tiếp tục quan tâm, chủ động thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc thẩm quyền để triển khai đồng bộ, hiệu quả Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương; trong quá trình triển khai có khó khăn, vướng mắc phát sinh thì kịp thời có biện pháp giải quyết hoặc phản ánh, kiến nghị về Bộ Tư pháp, cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn, xử lý.

B. NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước đã được Quốc hội khóa XV, Kỳ họp bất thường lần thứ 9 thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 19/02/2025 (sau đây gọi là Nghị quyết số 190/2025/QH15).

I. Mục đích, quan điểm xây dựng Nghị quyết số 190/2025/QH15

1. Mục đích

Việc ban hành Nghị quyết số 190/2025/QH15 nhằm tạo cơ sở pháp lý thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương theo yêu cầu của Nghị quyết số 18-NQ/TW, các chủ trương, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Ban Chỉ đạo của Trung ương và Ban Chỉ đạo của Chính phủ về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, văn bản của cơ quan có thẩm quyền khác về phương án sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. Qua đó, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, tránh khoảng trống pháp luật trong điều kiện chưa thể sửa đổi, bổ sung số lượng rất lớn các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản liên quan khác chịu tác động trực tiếp của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; bảo đảm hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của bộ máy nhà nước và toàn xã hội; không làm gián đoạn việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; bảo đảm quyền con người, quyền công dân theo quy định của pháp luật.

2. Quan điểm chỉ đạo

- *Một là*, thể chế hóa kịp thời, đầy đủ chủ trương của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII và tuân thủ các quy định của Hiến pháp năm 2013.

- *Hai là*, bám sát định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo yêu cầu của Nghị quyết số 18-NQ/TW, các chủ trương, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Ban Chỉ đạo của Trung ương và Ban Chỉ đạo của Chính phủ về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, văn bản của cơ quan có thẩm quyền khác về phương án sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- *Ba là*, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động của các cơ quan, chức danh có thẩm quyền sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước được thông suốt, liên tục, bảo đảm tính kế thừa, bao quát, không bỏ sót chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn và không để gián đoạn công việc được giao.

- *Bốn là*, việc đề xuất các quy định về việc xử lý một số nội dung liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước tại Nghị quyết bảo đảm rõ ràng, cụ thể, kịp thời xử lý được các yêu cầu cấp bách, một số vấn đề phát sinh khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước trong điều kiện chưa sửa đổi, bổ sung ngay được tổng thể các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản khác liên quan.

- *Năm là*, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện các quyền, nghĩa vụ, các thủ tục hành chính và không làm gián đoạn việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các cam kết quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

II. Bộ cục và những nội dung cơ bản của Nghị quyết số 190/2025/QH15

1. Bộ cục của Nghị quyết số 190/2025/QH15

Nghị quyết 190/2025/QH15 gồm 15 điều, cụ thể như sau:

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

- Điều 2: Nguyên tắc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước (quy định các nguyên tắc chung trong xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước).

- Từ Điều 3 đến Điều 10: Quy định các nguyên tắc cụ thể để xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước (bao gồm các nguyên tắc

về tên gọi và việc sử dụng con dấu của cơ quan, chức danh có thẩm quyền; thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, chức danh có thẩm quyền; thực hiện thủ tục hành chính; hoạt động tạm giữ, tạm giam, tố tụng, thi hành án; thực hiện chức năng, nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, chức danh có thẩm quyền ban hành, cấp).

- Từ Điều 11 đến Điều 13: Quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan trong việc rà soát, xử lý văn bản; trách nhiệm công khai thông tin và hướng dẫn thực hiện; thẩm quyền, trách nhiệm các cơ quan, người có thẩm quyền trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Điều 14: Tổ chức thực hiện (quy định trách nhiệm của các cơ quan, người có thẩm quyền trong việc hướng dẫn, tổ chức thực hiện, báo cáo cấp có thẩm quyền về việc thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15; giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15).

- Điều 15: Hiệu lực thi hành (quy định thời điểm có hiệu lực và thời hạn thực hiện của Nghị quyết số 190/2025/QH15).

2. Những nội dung cơ bản của Nghị quyết số 190/2025/QH15

2.1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

- Điều 1 Nghị quyết số 190/2025/QH15 xác định cụ thể phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết là quy định về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bao gồm: nguyên tắc xử lý; việc thay đổi tên gọi của cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây gọi chung là cơ quan), chức danh có thẩm quyền; việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, chức danh có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và việc xử lý một số vấn đề khác khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 được áp dụng đối với việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước trong các trường hợp thành lập, tổ chức lại (bao gồm việc sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức của các cơ quan dưới các hình thức chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hoặc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn), thay đổi tên gọi, thay đổi mô hình, cơ cấu tổ chức, giải thể cơ quan để thực hiện chủ trương của Đảng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Các vấn đề được xử lý theo Nghị quyết số 190/2025/QH15 là vấn đề phát sinh trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước có nội dung khác hoặc chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật (trừ Hiến pháp), văn bản hành chính và các hình thức văn bản khác đang còn hiệu lực tại thời điểm thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước (sau đây gọi chung là văn bản).

2.2. Quy định nguyên tắc chung trong việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước (Điều 2)

Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định một số nguyên tắc chung trong việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bao gồm:

- Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp và bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan; không để gián đoạn công việc, không để chông chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, người dân, doanh nghiệp.

- Bảo đảm không làm gián đoạn việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các cam kết quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Bảo đảm quyền con người, quyền công dân; bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện các quyền, nghĩa vụ và các thủ tục theo quy định của pháp luật.

2.3. Các quy định về nguyên tắc cụ thể để xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước (từ Điều 3 đến Điều 12)

2.3.1. Về tên gọi và việc sử dụng con dấu của cơ quan, chức danh có thẩm quyền

Điều 3 Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định nguyên tắc chuyển đổi tên gọi của cơ quan, chức danh có thẩm quyền đã quy định tại các văn bản khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước theo tên gọi của cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đó. Đồng thời, Nghị quyết cũng quy định cơ quan, chức danh có thẩm quyền có thay đổi sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy được sử dụng con dấu, thực hiện thủ tục đăng ký mẫu con dấu, giao nộp con dấu theo quy định của pháp luật.

2.3.2. Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, người có thẩm quyền

Điều 4 của Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định nguyên tắc khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, chức danh có thẩm quyền theo quy định của pháp luật được tiếp tục thực hiện bởi cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đó.

Đặc biệt, Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định: “*Trường hợp khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước mà tên gọi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, vị trí, mô hình, cơ cấu tổ chức của cơ quan sau sắp xếp có thay đổi thì cơ quan, người*

có thẩm quyền được ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan hình thành sau sắp xếp khác với quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên đã ban hành trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước nhưng phải bảo đảm phù hợp với phương án sắp xếp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt". Quy định này **bảo đảm cơ sở pháp lý cho cơ quan, người có thẩm quyền được ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan hình thành sau sắp xếp khác với quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên đã ban hành trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước nhưng chưa kịp sửa đổi, bổ sung.**

Trên cơ sở nguyên tắc này, để bảo đảm hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền được thực hiện liên tục, thông suốt, không bỏ sót nhiệm vụ, không bị gián đoạn, không làm ảnh hưởng tới hoạt động bình thường của xã hội, của người dân, tại Điều 4 của Nghị quyết số 190/2025/QH15 cũng quy định các nguyên tắc xử lý liên quan đến thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, chức danh có thẩm quyền trong một số trường hợp cụ thể như:

(i) Trường hợp văn bản hiện hành quy định trách nhiệm phối hợp công tác giữa cơ quan thuộc đối tượng thực hiện sắp xếp với cơ quan khác thì cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan được sắp xếp chịu trách nhiệm tiếp tục thực hiện nội dung công việc đó theo quy định.

(ii) Cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước tiếp tục thực hiện các công việc, thủ tục đang được các cơ quan thuộc đối tượng thực hiện sắp xếp thực hiện. Trường hợp các công việc, thủ tục đang thực hiện hoặc đã hoàn thành trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước nhưng phát sinh vấn đề liên quan cần giải quyết sau khi sắp xếp thì cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với cơ quan liên quan để giải quyết vấn đề phát sinh đó.

(iii) Việc giám sát, kiểm sát, kiểm toán, kiểm tra đối với cơ quan được hình thành hoặc tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

2.3.3. Quy định về xử lý đối với số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan nhiều hơn số lượng tối đa theo quy định của pháp luật

Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 190/2025/QH15, khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước mà số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan nhiều hơn số lượng tối đa theo quy định của pháp luật thì chậm nhất là 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực, số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan phải theo

đúng quy định. Quy định này vừa cho phép và đồng thời xác định cụ thể thời hạn tối đa để sắp xếp số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan trong trường hợp nhiều hơn số lượng tối đa theo quy định của pháp luật.

2.3.4. Về thực hiện thủ tục hành chính

Điều 5 của Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định trách nhiệm điều chỉnh và công bố thủ tục hành chính của cơ quan, người có thẩm quyền khi có thay đổi về cơ quan, chức danh có thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính. Đồng thời, Điều 5 của Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định trách nhiệm của cơ quan, chức danh có thẩm quyền tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện thủ tục hành chính, gồm: (i) Tổ chức thực hiện thủ tục hành chính bảo đảm thông suốt, không bị gián đoạn; (ii) Không được yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp lại hồ sơ đã nộp và không thực hiện lại các bước trong thủ tục hành chính đã thực hiện trước khi sắp xếp; (iii) Thông báo công khai thông tin theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 190/2025/QH15.

Để triển khai thực hiện quy định của Nghị quyết, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo bộ, cơ quan ngang bộ căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 190/2025/QH15 phải thực hiện kịp thời công bố, công khai thủ tục hành chính, cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, làm cơ sở để các địa phương công bố danh mục thủ tục hành chính áp dụng trên địa bàn tỉnh, thành phố¹¹.

2.3.5. Về hoạt động tạm giữ, tạm giam, tố tụng, thi hành án

Điều 6 của Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động tạm giữ, tạm giam, tố tụng, thi hành án, bao gồm: (i) Tổ chức thực hiện hoạt động tạm giữ, tạm giam, tố tụng, thi hành án đúng thời hạn, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; (ii) Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tạm giữ, tạm giam, tố tụng, thi hành án đã thực hiện một hoặc một số nội dung của các hoạt động này trong các vụ án, vụ việc cụ thể theo quy định của pháp luật trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn không thực hiện lại các nội dung này sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

Về cơ bản, các hoạt động này được thực hiện theo nguyên tắc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người có thẩm quyền đã được quy định tại Điều 4 của Nghị quyết số 190/2025/QH15. Tuy nhiên, do tính

¹¹ Văn bản số 219/TTg-KSTT ngày 27/2/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

chất và phạm vi tác động, ảnh hưởng trực tiếp tới quyền con người, quyền công dân của các hoạt động tạm giữ, tạm giam, tố tụng, thi hành án nên cần thiết phải xây dựng một điều riêng, độc lập quy định về nguyên tắc thực hiện hoạt động này.

2.3.6. Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Điều 7 của Nghị quyết số 190/2025/QH15 được xây dựng trên cơ sở bám sát và bảo đảm triển khai kịp thời ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Trong đó, quy định nguyên tắc trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ thanh tra sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước như sau:

- Cơ quan thanh tra sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ thanh tra của cơ quan đã chuyển giao chức năng, nhiệm vụ thanh tra.

- Cơ quan sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước không còn tổ chức thanh tra thì thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước không thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành mà thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

- Đối với Bộ, cơ quan ngang Bộ sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước không còn tổ chức thanh tra, trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thành lập đoàn thanh tra hoặc đề nghị Thanh tra Chính phủ tiến hành thanh tra. Riêng đối với cơ quan thanh tra của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan thanh tra được tổ chức theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ thanh tra theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước không còn tổ chức thanh tra thì người đứng đầu giao đơn vị trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, Điều 7 của Nghị quyết số 190/2025/QH15 cũng quy định nguyên tắc xử lý đối với trường hợp cuộc thanh tra đang tiến hành hoặc đã kết thúc thanh tra trực tiếp nhưng chưa ban hành kết luận thanh tra thì đoàn thanh tra tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, xây dựng dự thảo kết luận thanh tra trình Thủ

trường cơ quan có chức năng thanh tra sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước xem xét, ban hành kết luận thanh tra.

2.3.7. Về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

Điều 8 Nghị quyết số 190/2025/QH15 đã quy định nguyên tắc xử lý khi các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có thay đổi do sắp xếp tổ chức bộ máy trong các trường hợp:

(i) Thay đổi tên gọi nhưng không thay đổi nhiệm vụ, quyền hạn thì được giữ nguyên thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

(ii) Các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước dẫn đến thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn thì Chính phủ quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh đó phù hợp với các nguyên tắc của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Trong thời gian Chính phủ chưa có quy định thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước do Chánh Thanh tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc các chức danh khác đang có thẩm quyền xử phạt tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật cho đến khi có quy định thay thế.

2.3.8. Về thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế

Điều 9 Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến việc ký kết, thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc Việt Nam là bên ký kết khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. Trong đó:

- Trường hợp cần sửa đổi quy định về tên gọi của cơ quan trong điều ước quốc tế đã có hiệu lực thì cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất nội dung sửa đổi và thông báo đến Bộ Ngoại giao. Trên cơ sở thống nhất ý kiến với cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, Bộ Ngoại giao gửi Công hàm cho đối tác nước ngoài thông báo về việc sửa đổi quy định về tên gọi của cơ quan trong điều ước quốc tế.

- Trường hợp cần sửa đổi quy định về tên gọi của cơ quan trong thỏa thuận quốc tế thì cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trao đổi, thống nhất với đối tác nước ngoài về việc sửa đổi quy định về tên gọi của cơ quan; sau đó thông báo đến Bộ Ngoại giao về việc sửa đổi để theo dõi, phối hợp.

- Điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế nhân danh Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ đã hoàn tất đàm phán nhưng chưa ký thì cơ quan tiếp nhận chức

năng, nhiệm vụ, quyền hạn chủ động trao đổi với đối tác nước ngoài chỉnh sửa quy định về tên gọi cơ quan (nếu có).

- Điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế nhân danh Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ đã ký nhưng chưa có hiệu lực thì trong trường hợp cần thiết, cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trao đổi, thống nhất với đối tác nước ngoài về cách thức chỉnh sửa quy định về tên gọi cơ quan và thông báo đến Bộ Ngoại giao để phối hợp theo dõi.

Bên cạnh đó, Điều 9 Nghị quyết số 190/2025/QH15 cũng quy định việc xử lý trong trường hợp phát sinh vấn đề thuộc trách nhiệm của nhiều cơ quan hoặc vấn đề chưa được quy định tại Nghị quyết số 190/2025/QH15 thì cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định, bảo đảm không gián đoạn việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các cam kết quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.3.9. Về giá trị của văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, chức danh có thẩm quyền ban hành, cấp

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 190/2025/QH15, văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, chức danh có thẩm quyền ban hành, cấp trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi hết thời hạn hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, thu hồi bởi cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc cơ quan, người có thẩm quyền.

- **Đặc biệt**, tại khoản 2 Điều 10 Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định: ***“Không được yêu cầu tổ chức, cá nhân làm thủ tục cấp đổi giấy tờ đã được cơ quan, chức danh có thẩm quyền cấp trước khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước khi các giấy tờ này chưa hết thời hạn sử dụng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”***. Theo đó, bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào, không phân biệt là cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hay ngoài bộ máy nhà nước đều phải nghiêm túc thực hiện quy định này.

- Ngoài ra, tại khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật không còn được áp dụng do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành hoặc liên tịch với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ khác ban hành trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước mà sau khi sắp xếp không xác định được cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ văn bản.

2.3.10. Về thời hạn rà soát, xác định phương án và xử lý văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn

Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định thời hạn, trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trong việc rà soát, xác định phương án xử lý, thời hạn và thủ tục xử lý các văn bản quy phạm pháp luật chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

Theo đó, thời hạn rà soát và xác định phương án xử lý là 03 tháng kể từ ngày Nghị quyết số 190/2025/QH15 có hiệu lực thi hành (tức là **việc rà soát, xác định phương án xử lý phải hoàn thành trước ngày 19 tháng 5 năm 2025**). Việc xử lý văn bản quy phạm pháp luật chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước được **thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027**.

Đặc biệt, trên cơ sở xem xét tính cấp thiết và tính khả thi về nguồn lực tổ chức thực hiện việc xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định: **“Không bắt buộc ban hành văn bản chỉ để xử lý nội dung về tên gọi của các cơ quan, chức danh có thẩm quyền bị thay đổi do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước”**.

2.3.11. Trách nhiệm công khai thông tin và hướng dẫn thực hiện

Để tạo thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc nắm bắt, tiếp cận các thông tin liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, chức danh có thẩm quyền khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, Điều 12 Nghị quyết số 190/2025/QH15 có quy định về trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong việc thông báo công khai một số thông tin ngay khi có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức hoặc quy định liên quan đến việc thay đổi tên gọi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan mình, cụ thể:

- Các văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, trừ các văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

- Việc thay đổi tên gọi của cơ quan, chức danh có thẩm quyền.

- Việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, chức danh có thẩm quyền.

- Việc thay đổi cơ quan, chức danh có thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính.

- Việc thay đổi thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Việc công khai các nội dung thông tin được thực hiện trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và các hình thức phù hợp khác; đồng thời, phải được công khai tập trung trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với thông tin của các cơ quan cấp tỉnh, trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với thông tin của các cơ quan cấp huyện.

Bộ Ngoại giao có trách nhiệm thông báo đối ngoại với các nước, tổ chức quốc tế, khu vực liên quan về việc tổ chức các cơ quan của Quốc hội khóa XV, cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

Cùng với việc công khai thông tin, các cơ quan sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước có trách nhiệm tiếp nhận, trả lời, hướng dẫn, giải đáp các vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình khi nhận được yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân, bảo đảm thực hiện các nguyên tắc quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 190/2025/QH15.

2.4. Trách nhiệm của các cơ quan, người có thẩm quyền trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước (Điều 13)

Nghị quyết số 190/2025/QH15 được xây dựng trên cơ sở kết quả rà soát hệ thống pháp luật để phát hiện các vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước theo Nghị quyết số 18-NQ/TW. Tuy nhiên, thực tế triển khai có thể có những tình huống phát sinh cần phải xử lý kịp thời, linh hoạt để tránh khoảng trống pháp luật, không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường, liên tục của bộ máy nhà nước sau khi được sắp xếp. Vì vậy, bên cạnh các nguyên tắc chung và nguyên tắc cụ thể đã được quy định tại Nghị quyết số 190/2025/QH15 để xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước như đã nêu ở trên, tại Điều 13 Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định trách nhiệm của các cơ quan, người có thẩm quyền trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. Cụ thể:

- Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, ban hành văn bản giải quyết hoặc ủy quyền ban hành văn bản giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Quốc hội khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, định kỳ hằng quý báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ

trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Tổng Kiểm toán nhà nước, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, ban hành văn bản hoặc ủy quyền ban hành văn bản để giải quyết các vấn đề phát sinh khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình

Để bảo đảm tính kịp thời, khoản 3 Điều 12 của Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định cơ quan, người có thẩm quyền có thể ban hành văn bản hành chính để hướng dẫn giải quyết các vấn đề phát sinh. Tuy nhiên, để bảo đảm các nguyên tắc trong quản lý, điều hành bộ máy nhà nước và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, Nghị quyết số 190/2025/QH15 đã quy định những điều kiện cụ thể để kiểm soát việc ban hành văn bản hành chính (Nội dung hướng dẫn phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người có thẩm quyền hướng dẫn và các nguyên tắc quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 190/2025/QH15, không quy định thêm yêu cầu, điều kiện hoặc làm tăng thời gian giải quyết, phát sinh chi phí, gây khó khăn cho cá nhân, tổ chức trong quá trình thực hiện; văn bản hướng dẫn phải được công khai;...) và trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trong việc đồng thời đồng thời tổ chức xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh nội dung quy định tại văn bản hành chính hoặc nội dung đã ủy quyền ban hành. Văn bản hành chính, văn bản được ban hành theo ủy quyền phải được cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó bãi bỏ ngay khi văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành có hiệu lực thi hành.

2.5. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định trách nhiệm của các cơ quan, người có thẩm quyền trong việc hướng dẫn, tổ chức thực hiện, báo cáo cấp có thẩm quyền về việc thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15 và thời điểm có hiệu lực, thời hạn thực hiện của Nghị quyết này. Theo đó, **Nghị quyết số 190/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 02 năm 2025 và được thực hiện đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027, trừ quy định tại khoản 1 Điều 3, khoản 3 Điều 4 và khoản 3 Điều 11 của Nghị quyết.** Căn cứ tình hình thực tế, Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15 trước khi kết thúc thời hạn thực hiện, nếu thấy cần thiết.

III. Một số nội dung cần lưu ý trong tổ chức thi hành Nghị quyết số 190/2025/QH15

Để triển khai thực hiện kịp thời, nghiêm túc, đồng bộ và hiệu quả Nghị quyết số 190/2025/QH15, Bộ Tư pháp đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ

ký Công điện số 20/CĐ-TTg ngày 26/02/2025 và Quyết định số 439/QĐ-TTg ngày 26/02/2025 ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 190/2025/QH15, trong đó yêu cầu các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đề nghị các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan liên quan thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

1. Khẩn trương tổ chức quán triệt đầy đủ, nghiêm túc các nội dung của Nghị quyết số 190/2025/QH15 và ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15 tại bộ, cơ quan, địa phương mình trước ngày 03 tháng 3 năm 2025; gửi kế hoạch về Bộ Nội vụ để theo dõi, đôn đốc thực hiện.

2. Thông báo công khai thông tin liên quan đến việc sắp xếp tổ chức bộ máy

- Thực hiện ngay trách nhiệm thông báo công khai các nội dung quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 190/2025/QH15 khi có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức hoặc quy định liên quan đến các nội dung thay đổi phải công khai; chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc công khai thông tin bảo đảm kịp thời, tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp dễ tiếp cận.

- Nghiên cứu kỹ lưỡng các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan mình sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy để thực hiện việc tiếp nhận, trả lời, hướng dẫn, giải đáp các vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan mình khi nhận được yêu cầu, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, bảo đảm thực hiện các nguyên tắc quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 190/2025/QH15.

3. Tổ chức rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước

- Thực hiện rà soát, xác định chính xác các văn bản quy phạm pháp luật chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, chủ động xử lý hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý các văn bản quy phạm pháp luật chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy, bảo đảm thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15; trên cơ sở khoản 3 Điều 10 và Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15, chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc xác định cụ thể nội dung, đề xuất phương án xử lý, cơ quan xử lý và lộ trình xử lý đối với từng văn bản cụ thể. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi kết quả rà soát về Ban Chỉ đạo rà soát và tổ chức thực hiện việc xử lý vướng

mắc trong hệ thống pháp luật (qua Bộ Tư pháp) theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp (Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan có liên quan).

- Chỉ đạo thực hiện: Ban Chỉ đạo rà soát và tổ chức thực hiện việc xử lý vướng mắc trong hệ thống pháp luật do Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban (Theo Quyết định số 603/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 và Quyết định số 1512/QĐ-TTg ngày 04/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ).

Bộ Tư pháp theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo.

- Triển khai thực hiện: Bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian hoàn thành việc rà soát, xác định chính xác các văn bản quy phạm pháp luật chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước: **Trước ngày 19 tháng 5 năm 2025** (03 tháng kể từ ngày Nghị quyết số 190/2025/QH15 có hiệu lực).

- Thời gian hoàn thành việc xử lý: **Trước ngày 01 tháng 3 năm 2027** (Theo phương án, lộ trình xử lý văn bản trên cơ sở kết quả rà soát văn bản).

4. Xử lý vấn đề phát sinh khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước thuộc thẩm quyền của Quốc hội theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 190/2025/QH15

- Thường xuyên nắm bắt tình hình thực tiễn, kịp thời phát hiện các vấn đề vướng mắc phát sinh khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, tự mình xem xét, ban hành văn bản hoặc ủy quyền ban hành văn bản để giải quyết các vấn đề phát sinh khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình; trường hợp cần thiết, báo cáo, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành văn bản giải quyết hoặc ủy quyền ban hành văn bản giải quyết. Cơ quan, người có thẩm quyền khi nhận được báo cáo, kiến nghị, phản ánh về các vấn đề phát sinh khi sắp xếp tổ chức bộ máy cần khẩn trương tổ chức nghiên cứu, giải quyết theo thẩm quyền, ủy quyền giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết.

- Xử lý vấn đề phát sinh khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước thuộc thẩm quyền của Quốc hội theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 190/2025/QH15: Bộ, cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm tham mưu Chính phủ xem xét, giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ, cơ quan mình; xây dựng báo cáo sau khi thực hiện, gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp chung, trình Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội theo quy định.

Thời gian thực hiện: Báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội định kỳ hàng quý và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất khi có vấn đề phát sinh.

5. Bộ Công an có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thực hiện thủ tục đăng ký mẫu con dấu, thu hồi con dấu kịp thời, khẩn trương, trong thời gian sớm nhất theo quy định của pháp luật, bảo đảm không làm gián đoạn các hoạt động của cơ quan, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong mọi lĩnh vực.

6. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm:

- Khẩn trương thông báo đối ngoại với các nước, tổ chức quốc tế, khu vực liên quan về việc tổ chức các cơ quan của Quốc hội khóa XV, cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 190/2025/QH15;

- Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc sửa đổi quy định về tên gọi của các cơ quan trong điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế đã có hiệu lực, đã hoàn tất đàm phán nhưng chưa ký hoặc đã ký nhưng chưa có hiệu lực.

7. Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện chức năng thanh tra quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 190/2025/QH15.

8. Bộ Tài chính có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương việc xử lý tài sản, tài chính, ngân sách nhà nước khi sắp xếp tổ chức bộ máy, bảo đảm kinh phí thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15.

9. Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15

Bộ Nội vụ có trách nhiệm:

- Chủ động theo dõi, đôn đốc chung việc thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15 và Công điện này, trong trường hợp cần thiết thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

- Trên cơ sở báo cáo của các bộ, cơ quan ngang bộ về việc tham mưu Chính phủ xem xét, giải quyết các vấn đề phát sinh khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ, tổng hợp chung, trình Chính phủ định kỳ hàng quý báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất khi có vấn đề phát sinh;

- Trên cơ sở báo cáo của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan về tình hình thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15, tổng hợp, xây dựng báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15 trình Chính phủ xem xét, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khoá XVI (tháng 10/2026).

10. Tổ chức tuyên truyền, truyền thông ngay khi Nghị quyết số 190/2025/QH15 có hiệu lực và trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15

Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, các cơ quan thông tấn, báo chí, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các Hiệp hội có trách nhiệm truyền thông bằng các hình thức phù hợp, hiệu quả ngay khi Nghị quyết số 190/2025/QH15 có hiệu lực và trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15 để cá nhân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức biết và thực hiện các nội dung có liên quan đến cá nhân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức khi các cơ quan thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy.

11. Đề nghị Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành để việc thực hiện các quy định về hoạt động tạm giữ, tạm giam, tố tụng, thi hành án, kiểm toán và các quy định khác của Nghị quyết số 190/2025/QH15 được hiệu quả, thống nhất, đồng bộ, thông suốt.

IV. Các điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết số 190/2025/QH15

Để triển khai thi hành kịp thời, hiệu quả Nghị quyết số 190/2025/QH15, đề nghị các cơ quan, người có thẩm quyền cần tập trung triển khai ngay các nội dung tại Công điện số 20/CĐ-TTg ngày 26/02/2025 và Quyết định số 439/QĐ-TTg ngày 26/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 190/2025/QH15 như đã nêu ở trên và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan của cấp có thẩm quyền, trong đó quan tâm, bố trí thỏa đáng các điều kiện bảo đảm (nhân lực, kinh phí và các điều kiện bảo đảm khác) cho hoạt động này theo quy định của pháp luật./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Nội dung trọng tâm và công tác triển khai thi hành Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Bộ Khoa học và Công nghệ -

1. BỐI CẢNH

Có thể thấy rằng, hiện nay khoa học và công nghệ (KH&CN) trên thế giới đang phát triển rất mạnh mẽ với nhiều xu hướng nổi bật, ảnh hưởng sâu rộng đến kinh tế, xã hội và đời sống con người. Một số công nghệ điển hình như: trí tuệ nhân tạo; máy tính lượng tử; công nghệ sinh học và y học cá nhân hóa; năng lượng tái tạo và công nghệ xanh; internet vạn vật và 5G/6G; chinh phục không gian vũ trụ, đang tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức đối với sự phát triển kinh tế - xã hội (KH-XH) của mọi quốc gia.

Ở Việt Nam, thời gian qua với nhiều chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho đẩy mạnh ứng dụng, phát triển KH, CN, thúc đẩy hoạt động ĐMST và CDS, bước đầu đã đạt được những bước tiến đáng kể, góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH, hội nhập quốc tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Mặc dù vậy, tốc độ và sự bứt phá về phát triển KH, CN, ĐMST và CDS quốc gia của Việt Nam vẫn đối mặt với một số thách thức lớn như: đầu tư cho nghiên cứu còn thấp; nhân lực chất lượng cao còn thiếu hụt; hạn chế trong thương mại hóa công nghệ; phụ thuộc nhiều vào công nghệ nước ngoài; đặc biệt yêu cầu ngày càng cao đối với an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu.

2. QUYẾT SÁCH MẠNH MẼ CỦA ĐẢNG, SỰ VÀO CUỘC QUYẾT LIỆT CỦA CHÍNH PHỦ VÀ QUỐC HỘI

Đứng trước nhiều thách thức như trên, với khát vọng đưa đất nước phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên giàu mạnh, hùng cường, thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao, ngày 22/12/2024 Tổng Bí thư Tô Lâm đã thay mặt Bộ Chính trị ký ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển KH, CN, ĐMST và CDS quốc gia. Nghị quyết số 57-NQ/TW được xem như chủ trương, quyết sách mạnh mẽ nhất của Đảng, mang tính chiến lược và cách mạng để tạo xung lực mới, đột phá phát triển KH, CN, ĐMST và CDS quốc gia.

Ngay sau khi Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị được ban hành, nhằm thể chế hóa và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ KH&CN (ở thời điểm đó là 02 Bộ TTTT và KH&CN) đã cùng phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tập trung cao độ, khẩn trương cụ thể hóa các nhiệm vụ cần thực hiện để tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Chương trình hành động đã đặt ra 41 chỉ tiêu cụ thể, trong đó 35 chỉ tiêu đến năm 2030 và 06 chỉ tiêu đến năm 2045; 140 nhiệm vụ cụ thể, trong đó có 24 nhiệm vụ liên quan hoàn thiện thể chế bao gồm cả việc rà soát để hoàn thiện quy định và 7 nhiệm vụ rà soát độc lập; để các Bộ, ngành, địa phương chủ động nghiên cứu, xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện để hiện thực hóa mục tiêu đưa KH, CN, ĐMST và CDS quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển KT-XH, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Nhấn mạnh năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm 2021-2025, năm tăng tốc, bứt phá để thực hiện đạt kết quả cao nhất kế hoạch đề ra, tạo tiền đề đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới; nhằm tập trung tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc, đồng hành cùng Chính phủ sớm đưa các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW vào cuộc sống; trên cơ sở đề xuất của Chính phủ, tại kỳ họp bất thường lần thứ 9 vừa qua, vào ngày 19/02/2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 193/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết số 193/2025/QH15 được xem như là một dấu ấn đặc biệt quan trọng trong kỳ họp bất thường lần thứ 9, Quốc hội khóa XV.

Bên cạnh việc tiếp tục hoàn thiện thể chế về KH, CN, ĐMST và CDS quốc gia như việc trình Quốc hội xem xét, ban hành Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo tại kỳ họp tháng 5/2025, Nghị quyết đột phá này chính là đề xuất táo bạo, xác định được những vấn đề có thể triển khai sớm, những vấn đề thực tiễn đã đặt ra, cần giải quyết ngay, không chờ đến khi Quốc hội thông qua các Luật này hoặc sửa các Luật có liên quan.

3. NHỮNG NỘI DUNG TRỌNG TÂM

Nghị quyết số 193/2025/QH15 được ban hành với 04 chương, 17 điều. Ngoài 05 điều khoản chung, tên mỗi điều trong Nghị quyết đều được thể hiện với những ngôn từ đơn giản nhưng mang tính thông điệp sâu sắc, mạnh mẽ. Cụ thể bao gồm:

(1) Tổ chức KH&CN công lập, nhà khoa học thuộc các tổ chức công lập được phép *thành lập, điều hành doanh nghiệp* hình thành dựa trên kết quả nghiên cứu khoa học (NCKH) và phát triển công nghệ (PTCN) của chính mình.

(2) *Chấp nhận rủi ro* trong NCKH và PTCN. Có thể nói đây là một trong những điểm nghẽn kéo dài. Gốc của vấn đề chính là các cơ quan quản lý nhà nước muốn tránh rủi ro, nên đã đề ra nhiều thủ tục phức tạp, dồn rất nhiều trách nhiệm lên các tổ chức KH&CN, và kết quả là các tổ chức KH&CN, nhà khoa học không dám nhận hoặc đề xuất những vấn đề nghiên cứu lớn, vượt ra ngoài kiến thức hiện có vốn có độ rủi ro cao, đặc biệt là các đề tài nghiên cứu cơ bản. Trái ngược với thực tế như trên, công việc NCKH và PTCN lại có bản chất rủi ro, là một loại đầu tư có tính mạo hiểm. Theo đó, Nghị quyết đã có điều khoản miễn trách nhiệm dân sự cho tổ chức KH&CN, cá nhân nhà khoa học khi gây ra thiệt hại cho Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN.

(3) Việc *cấp kinh phí NCKH và PTCN theo cơ chế quỹ* sẽ mang lại nhiều lợi ích quan trọng cho cả các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động KH&CN và cơ quan quản lý nhà nước, cụ thể như: tăng tính chủ động và linh hoạt, không bị ràng buộc chặt chẽ bởi quy trình NSNN; có cơ chế huy động và đa dạng hóa nguồn vốn; tăng cường hiệu quả quản lý và sử dụng NSNN; thúc đẩy việc triển khai các chương trình, nhiệm vụ KH&CN có tính dài hạn.

(4) Cơ chế *khoán chi trong thực hiện NCKH và PTCN* được áp dụng đối với hầu hết các nội dung chi trong một nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN. Nhà nước sẽ quản lý việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN thông qua đánh giá các giai đoạn trong quá trình nghiên cứu, trên cơ sở đó tiếp tục cấp kinh phí.

(5) Nghị quyết cho phép *giao quyền sở hữu, quản lý, sử dụng tài sản* hình thành từ việc triển khai nhiệm vụ KH&CN *một cách tự động, không phải thực hiện thủ tục hành chính* ngoại trừ một số trường hợp cụ thể. Các tổ chức KH&CN được phép sở hữu, quản lý, sử dụng tài sản hình thành theo quy định của pháp luật tương ứng với loại hình tổ chức tương ứng.

(6) Về vấn đề *thương mại hóa kết quả NCKH & PTCN*, đây cũng là điểm nghẽn lớn kéo dài. Trên nguyên tắc, kết quả nghiên cứu phải được thương mại hoá thì mới góp phần cho phát triển KT-XH. Theo đó, Nghị quyết cho phép thí

điểm việc cho phép tổ chức KH&CN được sở hữu và có quyền tự quyết đối với kết quả nghiên cứu do mình tạo ra, với tài sản hình thành từ thực hiện nhiệm vụ KH&CN, để chủ động trong việc thương mại hoá ngay sau khi kết thúc nhiệm vụ. Có thể xem rằng đây là chính sách rất mạnh mẽ để thương mại hoá kết quả hình thành từ NCKH & PTCN, kể cả các kết quả có được trong những năm trước, qua đó tạo ra ích nước lợi nhà. Một khi kết quả nghiên cứu được thương mại hoá thì Nhà nước sẽ thu được thông qua thuế, tạo ra công ăn việc làm, đất nước có trình độ KH&CN cao hơn. Đây là cách thu hồi gián tiếp của Nhà nước với các khoản chi KH&CN.

(7) Nghị quyết cũng thí điểm việc cho phép doanh nghiệp *chi cho KH&CN ngoài Quỹ KH&CN* và được tính là chi phí hợp lệ, được khấu trừ khi thuế thu nhập doanh nghiệp, điều đó có nghĩa là doanh nghiệp có thể chi cho KH&CN nhiều hơn 10% lợi nhuận trước thuế và cũng không bị ràng buộc bởi các quy định chặt chẽ của Quỹ. Lâu nay, việc giới hạn chi KH&CN được hưởng ưu đãi thuế chỉ trong phạm vi Quỹ đã làm cho các doanh nghiệp Việt Nam chi cho hoạt động KH&CN ít hơn nhiều các nước trong khu vực. Do đó, chính sách khấu trừ thuế cho các khoản chi KH&CN được xem như việc Nhà nước chung tay với doanh nghiệp để đầu tư cho KH&CN, để khuyến khích DN chi cho KH&CN.

(8) Về hoạt động CDS quốc gia, cần nhất là một chữ “nhanh”, nhất là cho 02 năm 2025-2026 để tạo nhanh các nền tảng và động lực cho CDS quốc gia trong những năm sau. Theo đó, Nghị quyết cho phép *sử dụng ngân sách trung ương triển khai các nền tảng số dùng chung và chỉ định thầu* các dự án chuyển đổi số.

(9) Về hạ tầng viễn thông thì lúc này cũng *cần nhất là chữ “nhanh”*, là đầu tư trước, do đó Nghị quyết cho phép hỗ trợ 15% chi phí bình quân thiết bị BTS 5G đối với các doanh nghiệp phát triển tối thiểu 20.000 BTS 5G trong năm 2025 (từ ngày 19/2/2025) và cho phép chỉ định thầu hoặc áp dụng thông lệ quốc tế trong việc lựa chọn nhà thầu triển khai tuyến cáp quang biển quốc tế.

(10) Về dịch vụ viễn thông vệ tinh tầm thấp, đây là công nghệ mới, phủ sóng rộng cho vùng sâu, vùng đồi núi rất hiệu quả, để thu hút đầu tư nước ngoài, Nghị quyết cho phép *thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp* với sở hữu nước ngoài tới 100%, nhưng phải đảm bảo quốc phòng - an ninh, chủ quyền quốc gia.

(11) Về công nghiệp bán dẫn, đây là ngành công nghiệp chiến lược. Việt Nam đặt mục tiêu phát triển đầy đủ tất cả các công đoạn của ngành công nghiệp này, trong đó thì khó nhất là nhà máy sản xuất. Nhất là *nhà máy sản xuất vi mạch đầu tiên*, rất quan trọng cho nghiên cứu, chế thử các vi mạch được thiết kế ở Việt Nam, rất quan trọng cho việc sản xuất các vi mạch chuyên dùng của Việt

Nam, cho đào tạo nhân lực, nhất là cho lĩnh vực quốc phòng - an ninh. Đề thu hút doanh nghiệp tham gia đầu tư và vận hành, Nghị quyết cho phép cơ chế hỗ trợ 30% tổng mức đầu tư dự án trực tiếp từ ngân sách trung ương trong trường hợp nhà máy nghiệm thu đưa vào sản xuất trước ngày 31 tháng 12 năm 2030. Tổng mức hỗ trợ không vượt quá 10.000 tỷ đồng.

4. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THI HÀNH

Ngay sau khi Nghị quyết số 193/2025/QH15 được ban hành, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo, trình Thủ tướng ban hành Quyết định số 470/QĐ-TTg ngày 28/02/2025 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9 và Pháp lệnh Chi phí tổ tụng năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tại Quyết định này, Bộ KH&CN được giao nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng dự thảo, trình Chính phủ xem xét ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Thực hiện nhiệm vụ được giao, hiện nay Bộ KH&CN đã xây dựng, gửi các Bộ, ngành, địa phương để lấy ý kiến đóng góp đối với dự thảo Nghị định. Dự kiến, dự thảo Nghị định sẽ được hoàn thiện, gửi Bộ Tư pháp thẩm định và trình Chính phủ sau ngày 10/3/2025.

Song song với việc xây dựng Nghị định, Bộ KH&CN đang tập trung xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành. Việc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết phân công cụ thể quyền và trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong triển khai Nghị quyết, bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả.

5. KẾT LUẬN

Nghị quyết số 57-NQ/TW bao gồm nhiều nội dung quan trọng, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến 03 vấn đề: (i) Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; (ii) xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; và (iii) Đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Với tinh thần khẩn trương tháo gỡ khó khăn, sớm đưa Nghị quyết số 57-NQ/TW vào cuộc sống giúp tạo xung lực mới, sinh khí mới, tạo sự đột phá cho

phát triển KH, CN, ĐMST và CDS, tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9 Quốc hội đã khẩn trương ban hành Nghị quyết số 193/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, đề tập trung tháo gỡ khó khăn.

Với 02 Nghị quyết quan trọng của Bộ Chính trị và của Quốc hội, đất nước đang có cơ hội rất lớn để có thể đưa thể chế thành lợi thế cạnh tranh trong thực hiện đột phá phát triển KH, CN, ĐMST và CDS quốc gia nếu có các giải pháp đồng bộ và hiệu quả cao. Việc cần khẩn trương thực hiện trong thời gian tới là tập trung mọi nguồn lực, trí tuệ để xây dựng khung pháp lý linh hoạt và thuận lợi, chú trọng rà soát, cập nhật và đồng bộ hóa hệ thống pháp luật theo hướng đơn giản hóa và loại bỏ những chồng chéo, mâu thuẫn. Ngay bây giờ, các Bộ, ngành, địa phương cần tập trung ưu tiên những chính sách để thực hiện ngay những nội dung của Nghị quyết 57 một cách thuận lợi nhất.

Đề 02 Nghị quyết nêu trên bắt đầu phát huy giá trị trong thực tế, các cơ quan, Bộ, ngành ở trung ương và địa phương cần đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại các nghị quyết này, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và khả thi; không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí.

Chúng ta cần xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, phân công trách nhiệm rõ ràng, tiến độ cụ thể và tổ chức triển khai với tinh thần khẩn trương, quyết tâm cao nhất; quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; đánh giá hiệu quả hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ...; qua đó, phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo, tiên phong, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong thực tế công việc./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Nội dung cơ bản của Nghị quyết số 189/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt đầu tư xây dựng dự án điện hạt nhân Ninh Thuận

- Bộ Công Thương -

Tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV đã ban hành Nghị quyết số 189/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt đầu tư xây dựng dự án điện hạt nhân Ninh Thuận. Các nội dung cơ bản của Nghị quyết như sau:

1. Sự cần thiết ban hành

a) Cơ sở chính trị

- Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ngày 25/11/2024 đã nhất trí việc khởi động lại chương trình điện hạt nhân; việc tái khởi động xây dựng nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận đã được Bộ Chính trị thống nhất tại Văn bản số 12031-CV/VPTW ngày 06/11/2024.

- Ngày 06/02/2025, Văn phòng Trung ương Đảng có Thông báo kết luận của Lãnh đạo chủ chốt số 121-TB/VPTW, trong đó có nội dung đồng ý chủ trương bổ sung Nghị quyết của Quốc hội về Dự án điện hạt nhân.

- Ngày 18/02/2025, Văn phòng Trung ương Đảng có Văn bản số 13430-CV/VPTW về ý kiến kết luận của Bộ Chính trị về các cơ chế, chính sách đặc thù đầu tư xây dựng Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận.

b) Cơ sở pháp lý

- Điểm a khoản 1 Điều 30 Luật Đầu tư 2020 quy định “Nhà máy điện hạt nhân” thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc Hội; khoản 1 Điều 3 Luật Đầu tư quy định “*Chấp thuận chủ trương đầu tư là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về mục tiêu, địa điểm, quy mô, tiến độ, thời hạn thực hiện dự án; nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư và các cơ chế, chính sách đặc biệt (nếu có) để thực hiện dự án đầu tư*”; khoản 8 Điều 34 Luật Đầu tư quy định “*Quốc hội xem xét, thông qua nghị quyết về chấp thuận chủ trương đầu tư gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật này*”. Theo các quy định trên, dự án Nhà máy điện hạt nhân được chấp thuận chủ trương đầu tư dưới hình thức “Nghị quyết” của Quốc Hội, bao gồm các nội dung về mục tiêu, địa điểm, quy mô, tiến độ, thời hạn thực hiện dự án; nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư và các cơ chế, chính sách đặc biệt (nếu có) để thực hiện dự án đầu tư.

- Dự án Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương tại Nghị quyết số 41/2009/QH12, trong đó tại Điều 4 quy định “Chính phủ nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách đặc biệt cho phép chủ đầu tư tích lũy nguồn vốn, cung cấp tín dụng của các ngân hàng; bồi thường, hỗ trợ tái định cư; xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội, tổ chức sản xuất, ổn định đời sống nhân dân vùng chịu ảnh hưởng của việc xây dựng nhà máy trình Quốc hội xem xét, quyết định vào thời điểm thích hợp”. Tại mục 9 Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024, Quốc Hội thông qua việc “Tiếp tục thực hiện chủ trương đầu tư Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận theo Tờ trình số 811/TTr-CP ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ. Giao Chính phủ khẩn trương chỉ đạo bố trí nguồn lực thực hiện theo kết luận của cấp có thẩm quyền; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các luật có liên quan, trong đó có Luật Năng lượng nguyên tử”.

- Theo các quy định nêu trên, việc Quốc hội ban hành Nghị quyết về các cơ chế, chính sách đặc biệt để thực hiện Dự án là phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư, Nghị quyết số 41/2009/QH12 và Nghị quyết số 174/2024/QH15 của Quốc hội.

c) Cơ sở thực tiễn và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- Điện hạt nhân là loại hình nhà máy điện đặc thù, có quy mô công suất và vốn đầu tư lớn, lần đầu tiên thực hiện tại Việt Nam. Dự án đòi hỏi nguồn lực rất lớn về tài chính, công nghệ và các yếu tố khác như thị trường đối tác cung cấp các dịch vụ (liên quan đến đầu tư xây dựng và cung cấp nhiên liệu cho nhà máy) bị hạn chế; có tác động nhiều bởi yếu tố đối ngoại, quốc phòng, công nghệ. Theo kinh nghiệm và thực tiễn quốc tế, thời gian hoàn thành và đưa nhà máy vào vận hành khoảng từ 10 – 13 năm (kể từ khi phê duyệt dự án đầu tư). Đây là Dự án quan trọng quốc gia, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm an ninh cung cấp điện, ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, các yếu tố về khoa học, công nghệ, vì vậy, tại Phiên họp thứ 2 Ban Chỉ đạo xây dựng nhà máy điện hạt nhân (Ban Chỉ đạo) ngày 04/02/2025, Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban chỉ đạo đã đặt mục tiêu phấn đấu đưa dự án vào vận hành trong năm 2030, muộn nhất 31/12/2031.

- Trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về xây dựng, đầu tư, đấu thầu,... đối với các công tác chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án (giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, khan hiếm vật liệu xây dựng, công tác đấu thầu lựa chọn các nhà thầu các gói thầu tư vấn, ...) sẽ không thể đáp ứng mục tiêu, tiến độ đặt ra. Do đó, cần thiết phải có một số cơ chế, chính sách đặc biệt để đẩy nhanh tiến độ xây dựng dự án điện hạt nhân Ninh Thuận.

2. Quan điểm, mục tiêu chính sách hướng tới

- Quan điểm ban hành Nghị quyết: bám sát chủ trương, chính sách của Đảng về phát triển kinh tế, đầu tư xây dựng nhà máy điện hạt nhân, ban hành các cơ chế, chính sách đặc biệt để đầu tư xây dựng dự án điện hạt nhân Ninh Thuận.

- Nguyên tắc ban hành Nghị quyết: ban hành các quy định thuộc thẩm quyền của Quốc hội, trong đó, về các cơ chế, chính sách để triển khai dự án, chỉ ban hành một số cơ chế, chính sách cần thiết để triển khai ngay. Đối với các cơ chế, chính sách đặc thù cụ thể khác, Chính phủ tiếp tục rà soát để trình Quốc hội khi điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án và trong giai đoạn thực hiện dự án.

- Mục tiêu chính sách hướng tới: đưa dự án điện hạt nhân Ninh Thuận vào vận hành trong năm 2030, muộn nhất 31/12/2031 theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp thứ 2 Ban Chỉ đạo ngày 04/02/2025.

3. Bố cục, nội dung cơ bản của Nghị quyết

a) Phạm vi điều chỉnh

- Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc biệt để đầu tư xây dựng Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận, gồm nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1, nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 2 và các dự án thành phần (sau đây gọi là Dự án) và một số cơ chế, chính sách đặc biệt áp dụng cho tỉnh Ninh Thuận để thực hiện Dự án.

b) Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước, tỉnh Ninh Thuận;
- Chủ đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án;
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

c) Quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi đối tượng áp dụng

- Chính phủ chịu trách nhiệm trong việc:

+ Tổ chức thực hiện, quản lý đầu tư các dự án theo đúng Nghị quyết này và quy định của pháp luật có liên quan; bảo đảm các dự án đúng tiến độ, chất lượng; báo cáo theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền; đồng thời khẩn trương triển khai Dự án;

+ Quản lý, sử dụng vốn và các nguồn lực, quản lý các hoạt động khác có liên quan bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, bảo đảm quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội, an toàn phóng xạ, môi trường theo quy định của Nghị quyết này và các quy định của pháp luật có liên quan; thông tin đầy đủ để người dân hiểu, đồng thuận về chủ trương đầu tư Dự án;

+ Tổ chức thực hiện đàm phán điều ước quốc tế với các đối tác trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

+ Chỉ đạo tổ chức việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì bảo đảm an toàn, hiệu quả;

+ Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức thực hiện Nghị quyết này; sơ kết 03 năm việc thực hiện Nghị quyết và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2028; tổng kết việc thực hiện Nghị quyết và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất sau khi đưa Dự án vào vận hành.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách hoặc cơ chế, chính sách chưa phù hợp, Chính phủ xem xét, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Tỉnh Ninh Thuận, chủ đầu tư Dự án chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc bảo đảm tiến độ, chất lượng các dự án được giao thực hiện.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tuyên truyền, vận động người dân đồng thuận chủ trương đầu tư Dự án, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

- Kiểm toán nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, kiểm toán việc thực hiện Dự án theo Nghị quyết này.

d) Phân tích những nội dung chính sách, quy định mới

Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 189/2025/QH15 cho phép thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc biệt đầu tư xây dựng Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận, cụ thể như sau:

1. Về đối tác thực hiện

Triển khai đồng thời việc đàm phán với đối tác đã ký kết điều ước quốc tế hoặc với các đối tác khác để ký kết điều ước quốc tế về hợp tác xây dựng, cấp tín dụng cho thực hiện Dự án, song song với quá trình điều chỉnh chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án đầu tư.

Cơ sở và lý do đề xuất:

- Khoản 7, Điều 29 Luật Quản lý nợ công quy định: “7. Việc ký kết thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài cho chương trình, dự án phải bảo đảm các điều kiện sau đây: a) Hoàn thành các thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật”

- Khoản 1, Điều 34 Luật Quản lý nợ công quy định: “1. Chính phủ cho vay lại từ vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài; không phát hành trái phiếu Chính phủ trên thị trường vốn quốc tế, vay thương mại nước ngoài để cho vay lại.”

- Điểm d, khoản 1, Điều 29 Luật các Điều ước quốc tế quy định:

“1. Quốc hội phê chuẩn các loại điều ước quốc tế sau đây: d) Điều ước quốc tế có quy định trái với luật, nghị quyết của Quốc hội”.

- Ngoài ra, nội dung Hiệp định liên Chính phủ về hợp tác xây dựng nhà máy điện hạt nhân bao gồm nội dung chỉ định đối tác thực hiện hợp đồng chìa khóa trao tay, đối tác mua bảo hiểm cho toàn bộ phạm vi thực hiện của hợp đồng chìa khóa trao tay và được phép mua bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài không có chi nhánh được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam khác với quy định tại Luật Đầu thầu và Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Như vậy việc đàm phán các Hiệp định liên Chính phủ về hợp tác xây dựng nhà máy điện hạt nhân trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiệp định liên Chính phủ về khoản tín dụng xuất khẩu nhà nước để tài trợ xây dựng nhà máy điện hạt nhân trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và đối tác mua bảo hiểm cần được Quốc hội cho phép thực hiện.

2. Về lựa chọn nhà đầu tư và nhà thầu

a) *Thủ tướng Chính phủ giao chủ đầu tư thực hiện các dự án;*

b) *Áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy trình rút gọn đối với gói thầu chìa khóa trao tay xây dựng nhà máy chính với nhà thầu trong điều ước quốc tế. Phạm vi công việc của hợp đồng chìa khóa trao tay bao gồm các công việc theo quy định của pháp luật về xây dựng và các công việc lập hồ sơ phê duyệt địa điểm, mua bảo hiểm cho toàn bộ phạm vi thực hiện của hợp đồng (được phép mua bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài không có chi nhánh được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam), cung cấp nhiên liệu hạt nhân, vận hành, bảo dưỡng nhà máy trong thời gian 05 năm kể từ ngày dự án nghiệm thu đưa vào sử dụng;*

c) *Áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy trình rút gọn đối với các gói thầu tư vấn quan trọng trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án, bao gồm: lập, thẩm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; tư vấn trợ giúp chủ đầu tư*

đàm phán, ký kết, quản lý thực hiện hợp đồng chìa khoá trao tay; thẩm tra hồ sơ phê duyệt địa điểm; thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, các báo cáo chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan; tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công;

d) Áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy trình rút gọn để thẩm định công nghệ, an toàn, an ninh, kiểm tra pháp quy hạt nhân trong các giai đoạn đầu tư xây dựng Dự án trên cơ sở sử dụng hiệu quả các chuyên gia, tổ chức trong nước và quốc tế;

đ) Trình tự, thủ tục chỉ định thầu theo quy trình rút gọn được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Cơ sở và lý do đề xuất:

- Căn cứ điểm k khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu thì dự án Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận (thuộc dự án quan trọng quốc gia) cần được Quốc hội có Nghị quyết cho phép chỉ định thầu.

- Điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015; điểm g khoản 6 Điều 34 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

- Cần thiết lựa chọn hợp đồng chìa khoá trao tay để đẩy nhanh tiến độ, do đặc thù, nhà máy điện hạt nhân cần thiết phải có nhiên liệu hạt nhân cho chu kỳ đầu và chuyên gia vận hành bảo dưỡng trong giai đoạn đầu; Luật Đấu thầu chưa có quy định về lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu kết hợp chi phí đầu tư xây dựng và chi phí sản xuất kinh doanh (mua nhiên liệu hạt nhân và chuyên gia vận hành bảo dưỡng). Việc thực hiện lựa chọn nhà thầu theo trình tự quy định của Luật Đấu thầu sẽ kéo dài thời gian, không đáp ứng được tiến độ triển khai dự án đề ra.

- Đối với công tác thẩm định an toàn, an ninh, kiểm tra pháp quy hạt nhân trong các giai đoạn của dự án đầu tư xây dựng, hiện nay Bộ Khoa học và Công nghệ không đủ nguồn lực thực hiện, các cơ quan chuyên môn khác tại Việt Nam còn thiếu kinh nghiệm thực hiện dự án đầu tiên này, do đó cần thiết phải thuê tư vấn quốc tế. Việc thực hiện lựa chọn nhà thầu theo trình tự quy định của Luật Đấu thầu năm 2023 sẽ kéo dài thời gian, không đáp ứng được tiến độ triển khai dự án đề ra.

3. Về trình tự thực hiện

a) Thực hiện song song với quá trình đàm phán điều ước quốc tế và đàm phán hợp đồng chìa khoá trao tay, bao gồm:

i) Lập, thẩm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

ii) Khảo sát, rà soát, cập nhật, hoàn thiện hồ sơ phê duyệt địa điểm, hồ sơ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình và các báo cáo chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Thực hiện các công việc trước khi quyết định đầu tư xây dựng Dự án, bao gồm:

i) Khảo sát, lập, thẩm tra, thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình và các báo cáo chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan;

ii) Rà phá bom mìn, vật nổ, xử lý chất độc hóa học;

iii) Thực hiện hạng mục đào đắp san nền trong khu vực nhà máy chính bao gồm: khảo sát, lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công theo hình thức thiết kế một bước và dự toán xây dựng công trình; lựa chọn nhà thầu, triển khai thi công xây dựng. Chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình;

iv) Xây dựng hạ tầng điện thi công, nước thi công và khu nhà quản lý điều hành của chủ đầu tư tại công trường; hệ thống quan trắc, đo đạc, thông tin liên lạc và đường giao thông kết nối vào nhà máy.

Cơ sở và lý do đề xuất:

Theo khoản 3 Điều 50 Luật Xây dựng chỉ có quy định kết hợp, xen kẽ các công việc trong giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng đưa công trình vào khai thác sử dụng, chưa có quy định về thực hiện kết hợp, xen kẽ các công việc giữa giai đoạn chuẩn bị dự án và giai đoạn thực hiện dự án.

Theo quy định của Luật Xây dựng các nội dung đề xuất này là các công việc thuộc giai đoạn thực hiện dự án, để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, cần thiết phải triển khai các thủ tục này ngay trong giai đoạn chuẩn bị dự án.

4. Về quy chuẩn, tiêu chuẩn

Áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm và hướng dẫn kỹ thuật do đối tác thực hiện đề xuất áp dụng cho Dự án và phải bảo đảm nội dung áp dụng phù hợp với điều kiện Việt Nam, không thấp hơn quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam (nếu có) và phù hợp với tiêu chuẩn về an toàn và hướng dẫn về an ninh của Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA).

Cơ sở và lý do đề xuất:

- Khoản 2 Điều 37, khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 40, khoản 2 Điều 49 Luật Năng lượng nguyên tử quy định: (i) việc xây dựng, thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động phải có thiết kế phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; (ii) việc lựa chọn địa điểm xây dựng cơ sở hạt nhân phải căn cứ vào quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia; (iii) việc tháo dỡ, tẩy xạ, xử lý nhiên liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân, chất thải phóng xạ được thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; (iv) chủ đầu tư và tổ chức thi công xây dựng nhà máy điện hạt nhân phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

- Khoản 1 và khoản 4 Điều 6 Luật Xây dựng quy định: (i) hoạt động đầu tư xây dựng phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; (ii) việc áp dụng tiêu chuẩn phải bảo đảm các yêu cầu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan, cũng như bảo đảm tính đồng bộ, tính khả thi của hệ thống tiêu chuẩn được áp dụng.

- Đối với dự án điện hạt nhân, Việt Nam gần như chưa ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng; việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn trong thực tế cần phải tuân thủ phù hợp với hệ quy chuẩn, tiêu chuẩn được đối tác đề xuất để đảm bảo tính đồng bộ.

5. Về áp dụng định mức, đơn giá

Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cho phép áp dụng các định mức, đơn giá trên cơ sở đàm phán với đối tác thực hiện Dự án.

Cơ sở và lý do đề xuất:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 136 Luật Xây dựng thì đơn giá xây dựng được xác định trên cơ sở giá thị trường hoặc định mức xây dựng và giá vật liệu, nhân công, máy thi công, các yếu tố chi phí cần thiết khác phù hợp với mặt bằng giá thị trường tại khu vực xây dựng; Do đặc thù dự án điện hạt nhân không có yếu tố thị trường, trong khi quy định về đơn giá định mức hiện nay không có nên việc áp dụng định mức, đơn giá phụ thuộc vào kết quả đàm phán với đối tác thực hiện dự án là cần thiết.

6. Về thủ tục trình, duyệt của đại diện chủ sở hữu

Chủ đầu tư không phải thực hiện thủ tục trình cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước để thông qua, phê duyệt nội dung liên quan đến dự án đầu tư, phương án huy động vốn, thế chấp tài sản để vay vốn theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

7. Về phương án tài chính và thu xếp vốn

a) Đàm phán với Chính phủ các đối tác thực hiện để thu xếp vốn cho Dự án theo nhu cầu vốn của Dự án và theo cam kết của nhà tài trợ nước ngoài; được phép áp dụng quy định của nhà tài trợ nước ngoài trong trường hợp pháp luật Việt Nam chưa có quy định hoặc đã có quy định nhưng khác với quy định của nhà tài trợ nước ngoài; chủ đầu tư được vay và đủ điều kiện vay lại theo phương thức cơ quan cho vay lại không chịu rủi ro tín dụng, không phải thực hiện thủ

tục lập đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài. Trong quá trình thực hiện Dự án, Thủ tướng Chính phủ được quyết định sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác cho Dự án trong trường hợp đàm phán hiệp định vay không thành công hoặc quy mô khoản vay không đủ;

Cơ sở và lý do đề xuất:

+ Điều 10 Luật Quản lý nợ công quy định Quốc hội có nhiệm vụ và quyền hạn “1. Quyết định, điều chỉnh kế hoạch vay, trả nợ công 05 (năm) năm” và “2. Quyết định, điều chỉnh tổng mức vay và trả nợ của ngân sách nhà nước hằng năm”. Tỷ lệ vay vốn, mức vốn vay nước ngoài theo Hiệp định vay vốn sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch vay, trả nợ công, mức vay, trả nợ công. Quy định của pháp luật chưa có quy định xác định thẩm quyền quyết định tỷ lệ và mức vay vốn nước ngoài, vì vậy, kiến nghị Quốc hội thông qua nội dung về hạn mức vay, điều kiện vay vốn nước ngoài và cơ chế thực hiện như trên.

+ Khoản 5 Điều 34 Luật Quản lý nợ công quy định nguyên tắc cho vay lại như sau “Lãi suất cho vay lại bao gồm lãi suất Chính phủ vay nước ngoài, các khoản phí theo quy định tại thỏa thuận vay nước ngoài, phí quản lý cho vay lại và dự phòng rủi ro cho vay lại”. Điểm đ, Điều 36, Luật Quản lý nợ công quy định về điều kiện được vay lại vốn vay ưu đãi của chính phủ: (đ) “Không bị lỗ trong 03 (ba) năm liền kề gần nhất theo báo cáo kiểm toán, trừ các khoản lỗ do thực hiện chính sách của Nhà nước được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt”. Do vậy kiến nghị Quốc hội chấp thuận cho chủ đầu tư được vay lại và đủ điều kiện vay lại theo điều kiện ưu đãi như Hiệp định vay vốn.

b) Chủ đầu tư được phép thu xếp vốn đối ứng từ nguồn vốn vay, vốn trái phiếu doanh nghiệp, vốn vay lại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công trình do Chính phủ phát hành, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh với các điều kiện vay lại theo điều kiện vay của khoản phát hành trái phiếu, khả năng trả nợ của Dự án và theo quy định của Luật Quản lý nợ công;

Cơ sở và lý do đề xuất:

+ Điều 25 Luật Quản lý nợ công quy định về mục đích vay nợ của Chính phủ bao gồm “1. Bù đắp bội chi ngân sách trung ương cho đầu tư phát triển, không sử dụng vốn vay cho chi thường xuyên”, “2. Bù đắp thiếu hụt tạm thời của ngân sách trung ương và bảo đảm thanh khoản của thị trường trái phiếu Chính phủ”, “3. Chi trả nợ gốc đến hạn, cơ cấu lại các khoản nợ của Chính phủ”, “4. Cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp vay lại từ vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài”. Khoản 1, Điều 28 Luật Quản lý nợ công quy định: Chính phủ phát hành trái phiếu Chính phủ trên thị trường

vốn quốc tế để bù đắp bội chi ngân sách trung ương cho đầu tư phát triển theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, cơ cấu lại nợ của Chính phủ. Do vậy, kiến nghị Quốc hội cho phép Bộ Tài chính cho chủ đầu tư vay lại trái phiếu Chính phủ để làm vốn đối ứng thực hiện Dự án.

+ Khoản 1, khoản 2 Điều 136 Luật các Tổ chức tín dụng:

“1. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó của ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô không được vượt quá tỷ lệ sau đây:

a) Từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2026: 14% vốn tự có đối với một khách hàng; 23% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

b) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2027: 13% vốn tự có đối với một khách hàng; 21% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

c) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2028: 12% vốn tự có đối với một khách hàng; 19% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

d) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2028 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2029: 11% vốn tự có đối với một khách hàng; 17% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

đ) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2029: 10% vốn tự có đối với một khách hàng; 15% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó”.

2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó không được vượt quá 25% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.”

Do giá trị đầu tư dự án điện hạt nhân và các dự án thành phần là rất lớn, các Tập đoàn còn phải tiếp tục đầu tư các dự án khác để đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia nên kiến nghị Quốc hội cho phép Ngân hàng Phát triển Việt Nam, các ngân hàng thương mại trong nước được miễn áp dụng quy định về tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với chủ đầu tư và người có liên quan theo các quy định nêu trên để cho vay vượt giới hạn thực hiện phần vốn đối ứng và khoản vay này không tính vào tổng mức dư nợ cấp tín dụng của các ngân hàng đối với

chủ đầu tư để không ảnh hưởng đến việc thu xếp vốn các công trình/dự án khác của chủ đầu tư.

+ Khoản 3 Điều 34 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp quy định Nhà nước thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này để bảo đảm lợi ích của Nhà nước từ việc đầu tư vốn vào doanh nghiệp. Kiến nghị Quốc hội cho phép chủ đầu tư giữ lại toàn bộ lợi nhuận sau thuế còn lại này để tăng vốn chủ sở hữu bổ sung vốn đối ứng thực hiện Dự án.

c) Các ngân hàng thương mại trong nước được miễn áp dụng quy định về tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với chủ đầu tư, chủ đầu tư và người có liên quan tại khoản 1 Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng để cho vay vượt giới hạn thực hiện phân vốn đối ứng; khoản vay này không tính vào tổng mức dư nợ cấp tín dụng của các ngân hàng đối với chủ đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng để không ảnh hưởng đến việc thu xếp vốn cho các công trình, dự án khác của chủ đầu tư;

Cơ sở và lý do đề xuất:

Khoản 3 Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp quy định về việc huy động vốn đối với doanh nghiệp Nhà nước như sau “Việc huy động vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh phải bảo đảm tổng số nợ phải trả bao gồm các khoản bảo lãnh đối với công ty con quy định tại khoản 4 Điều này không quá ba lần vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn”. Điểm d khoản 3 Điều 36 Luật Quản lý nợ công quy định điều kiện được vay lại vốn vay ưu đãi đối với doanh nghiệp: Có hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu không vượt quá 03 (ba) lần theo báo cáo tài chính của năm gần nhất so với năm thực hiện thẩm định.

d) Không tính số dư nợ vay, nợ trái phiếu liên quan đến Dự án (bao gồm giai đoạn đầu tư xây dựng và giai đoạn vận hành) khi tính toán hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của chủ đầu tư để không ảnh hưởng đến việc thu xếp vốn cho các công trình, dự án đầu tư khác của chủ đầu tư;

đ) Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương tăng vốn điều lệ của chủ đầu tư từ nguồn đánh giá lại tài sản đã hết khấu hao của các nhà máy điện BOT đã nhận bàn giao và các nhà máy thủy điện đa mục tiêu để thực hiện Dự án với mức vốn bổ sung tương đương với mức vốn của dự án quan trọng quốc gia;

e) Cơ quan có thẩm quyền, cơ quan được ủy quyền cho vay lại không phải thực hiện thủ tục thẩm định điều kiện được vay lại của chủ đầu tư khi cho vay

lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật Quản lý nợ công;

g) Cho phép miễn bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư.

8. Không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nhưng phải bảo đảm nguyên tắc hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của Luật Lâm nghiệp, đặc biệt là rừng tự nhiên.

Cơ sở và lý do đề xuất:

Khoản 2 Điều 19 Luật Lâm nghiệp quy định một trong các Điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác bao gồm “Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác”; theo khoản 3 Điều 248 Luật Đất đai thì Quốc hội có thẩm quyền chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với Dự án, do vậy để đẩy nhanh tiến độ Dự án, cần thiết miễn thủ tục này.

9. Cho phép tỉnh Ninh Thuận

a) Hằng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh 70% số tăng thu từ triển khai Dự án nhưng không vượt quá tổng số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước và ngân sách trung ương không hụt thu;

Cơ sở và lý do đề xuất:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước quy định ngân sách Trung ương trích một phần theo tỷ lệ không quá 30% số tăng thu ngân sách Trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh, đồng thời tại Điều 35 quy định các khoản thu ngân sách Trung ương hưởng 100% như thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu; thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu... Dự kiến tổng nhu cầu vốn đầu tư công để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn 2026- 2030 khoảng 25.000 tỷ đồng. Trong khi nguồn thu ngân sách của tỉnh bình quân mỗi năm khoảng 5.000-5.500 tỷ đồng, sẽ khó khăn trong việc cân đối đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Để khuyến khích, tạo động lực cho địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; đồng thời, tạo nguồn lực bổ sung cần thiết cho tỉnh chủ động đầu tư thực hiện các dự án quan trọng về kết cấu hạ tầng kinh tế -

xã hội, UBND tỉnh đề xuất cơ chế hằng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh 70% nguồn tăng thu từ triển khai dự án nhà máy điện hạt nhân như thuế giá trị gia tăng; thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế bảo vệ môi trường ...là cần thiết.

b) Được vay lại vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 90% số thu ngân sách tỉnh được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách tỉnh hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

Cơ sở và lý do đề xuất:

Theo khoản 6 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước, tỉnh Ninh Thuận thuộc nhóm các địa phương có mức dư nợ vay không vượt quá 20% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp. Hiện nay, tỉnh đang đề xuất vận động vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài giai đoạn 2025 – 2030 cho 7 dự án, với tổng mức đầu tư dự kiến 7.810 tỷ đồng, trong đó nhu cầu vay lại 2.654 tỷ đồng. Mức dư nợ tối đa của ngân sách địa phương và hạn mức vay còn lại của tỉnh đến cuối năm 2024 là 144,751 tỷ đồng.

Để tỉnh có thêm dư địa được vay và phù hợp với bối cảnh thực hiện đẩy mạnh cơ chế phân cấp cho chính quyền địa phương chủ động huy động nguồn lực, thay vì hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, đề xuất cơ chế cho phép tỉnh nâng mức dư nợ vay của ngân sách tỉnh đến 90%, dự kiến giai đoạn 2026-2030 được vay khoảng 9.000 tỷ đồng, cơ bản đáp ứng được nhu cầu huy động nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng của tỉnh.

c) Phân bổ thêm 40% số chi tính theo định mức dân số khi xây dựng định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước;

Cơ sở và lý do đề xuất:

Theo quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước, đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có cơ chế chính sách đặc thù hoặc có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương, được phân bổ thêm theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số như sau: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh được phân bổ thêm 80%; Các thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ được phân bổ thêm 70%; Các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Thừa Thiên Huế được phân bổ thêm 45%; Các tỉnh còn lại có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 40% trở lên được phân bổ thêm 60%; các tỉnh có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 15% đến dưới 40% được phân bổ thêm 50%; các tỉnh có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương còn lại được phân bổ thêm 40%. Đối với tỉnh Ninh Thuận, nguồn thu ngân sách còn khó khăn, không điều tiết về ngân sách trung ương nên không được

phân bổ thêm. Hằng năm định mức chi thường xuyên được xác định theo tiêu chí dân số, trong khi đó dân số tỉnh Ninh Thuận 747.000 người, thuộc nhóm thấp nhất cả nước, do đó định mức chi thường xuyên hằng năm giao cho tỉnh rất hạn chế, không bảo đảm nhu cầu chi phát triển địa phương.

Để bảo đảm nguồn lực cần thiết đẩy mạnh cho chi phát triển sự nghiệp giáo dục – đào tạo, y tế, khoa học – công nghệ, văn hóa, thể thao, thông tin, môi trường, nhất là phục vụ khám chữa bệnh cho chuyên gia và người lao động làm việc tại nhà máy điện hạt nhân, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận đề xuất cơ chế Phân bổ thêm 40% số chi tính theo định mức dân số khi xây dựng định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước là cần thiết.

d) Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền được quyết định áp dụng chỉ định thầu đối với các gói thầu tư vấn, phi tư vấn, mua sắm, xây lắp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện Dự án. Trình tự, thủ tục chỉ định thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Cơ sở và lý do đề xuất:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Trưởng Ban Chỉ đạo xây dựng nhà máy điện hạt nhân chủ trì phiên họp thứ hai của Ban Chỉ đạo ngày 4/02/2025, trong đó có chỉ đạo thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư trong năm 2025 để tạo tính chủ động cho địa phương trong việc thực hiện công tác di dân, tái định cư, đồng thời rút ngắn thời gian để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công tác đền bù, tái định cư trong năm 2025 theo tinh thần chỉ đạo Thủ tướng Chính phủ, sớm ổn định đời sống, giải quyết kịp thời các vấn đề an sinh xã hội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhân dân vùng dự án.

đ) Cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nằm trong hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ Dự án:

- *Được cấp giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà không phải đấu giá quyền khai thác khoáng sản; đối với các mỏ vật liệu xây dựng thông thường đã được đưa vào kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản được điều chỉnh, đưa ra khỏi kế hoạch đấu giá để cấp giấy phép khai thác mà không phải đấu giá quyền khai thác khoáng sản;*

- *Đối với các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (trừ cát, sỏi lòng sông) đã cấp phép khai thác, đang hoạt động, còn thời hạn khai thác, được nâng công suất khai thác không quá 50% công suất ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản (không tăng trữ lượng đã cấp phép) mà không phải thực hiện thủ tục trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương dự án đầu tư điều chỉnh, thẩm định và phê duyệt kết quả*

thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường nhưng phải đảm bảo yêu cầu về an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong khai thác. Sau khi đã cung cấp đủ nguồn vật liệu cho thi công Dự án thì các doanh nghiệp được cấp phép tiếp tục khai thác với công suất ghi trong Giấy phép khai thác đã cấp trước đó;

- Đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, trường hợp phải cấp phép khai thác mỏ mới để đáp ứng nhu cầu cho Dự án thì được áp dụng cơ chế đặc thù cấp phép tương tự việc khai thác khoáng sản nhóm IV (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 72 và điểm c, d khoản 2 Điều 73 Luật Địa chất và Khoáng sản).

Cơ sở và lý do đề xuất:

Dự án Nhà máy Điện hạt nhân có nhu cầu nguồn khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường khai thác khá lớn. Đây là dự án trọng điểm quốc gia và Chính phủ đã có chỉ đạo gấp rút về thời gian thi công, hoàn thành Dự án, trong khi quy định về cấp phép khai thác khoáng sản theo pháp luật về khoáng sản hiện hành (ngoại trừ khoáng sản nhóm IV: Vật liệu san lấp) phải qua nhiều trình tự, thủ tục và thời gian giải quyết tương đối dài, nên cần có cơ chế đặc thù về cấp phép khai thác nguồn vật liệu đối với các khu vực cấp mới và tăng công suất đối với các khu vực mỏ đã cấp phép khai thác để đáp ứng kịp thời nhu cầu vật liệu cho Dự án thi công kịp tiến độ đã được Chính phủ chỉ đạo.

e) Cho phép nguồn thu từ giao dịch tín chỉ các-bon là nguồn thu ngân sách tỉnh được hưởng 100%; các khoản thu này không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh;

Cơ sở và lý do đề xuất:

Tỉnh Ninh Thuận có quy mô công suất năng lượng tái tạo lớn nhất cả nước 3.749MW, chiếm 18% công suất cả nước, góp phần giảm lượng khí nhà kính thải ra môi trường, chống biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, để thực sự tối ưu hóa hiệu quả bảo vệ môi trường, các dự án năng lượng tái tạo còn cần tới một công cụ quan trọng là tín chỉ carbon để kết nối các dự án giảm thiểu hoặc bù đắp lượng phát thải khí nhà kính (CO₂). Pháp luật quản lý ngân sách nhà nước cũng chưa có quy định việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ việc trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon. Do đó, tỉnh chưa có cơ sở thực hiện giao dịch tín chỉ các-bon từ các dự án năng lượng tái tạo.

Để huy động một nguồn tài chính mới thông qua sự vận hành của thị trường carbon rừng và năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, cần đề xuất chính sách ngân sách tỉnh được hưởng 100% nguồn thu từ giao dịch tín chỉ các-bon, sử

dụng nguồn thu này cho các chương trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn trên địa bàn.

g) Được áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện Dự án ở mức cao nhất theo quy định nhân (x) với 1,5 lần;

Cơ sở và lý do đề xuất:

Theo Luật Đất đai 2024 (Điều 109) quy định hỗ trợ không quá 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương. Tuy nhiên, trong thời gian dài hơn 15 năm từ khi quy hoạch nhà máy điện hạt nhân đến nay đời sống nhân dân trong vùng Dự án bị nhiều thiệt thòi, sản xuất bị ngưng trệ trong thời gian dài, cơ sở hạ tầng không được đầu tư, đời sống người dân còn gặp nhiều khó khăn, mặt khác vị trí này thuộc đất ven biển có giá trị cao. Do đó, trường hợp áp dụng như chính sách hiện nay sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tâm tư, nguyện vọng của người dân và khó khăn cho việc giải phóng mặt bằng.

Để bù đắp thiệt thòi cho bà con nhân dân trong thời gian qua, UBND tỉnh Ninh Thuận đề xuất chính sách cho áp dụng mức giá thu hồi đất, hỗ trợ bồi thường, di dân tái định cư và xây dựng nhà máy Điện hạt nhân ở mức cao nhất theo quy định nhân (x) với 1,5 lần.

h) Được áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đối với người đang sử dụng đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất như đối với người sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Cơ sở và lý do đề xuất:

Đất tại vị trí xây dựng nhà máy điện hạt nhân chủ yếu do người dân khai hoang đã được quy chủ từ lâu, tuy nhiên sau khi có chủ trương xây dựng nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận từ theo Nghị quyết số 41/2009/QH12 của Quốc hội đến nay người dân không thực hiện được các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó không thực hiện được thủ tục đền bù, thu hồi đất theo quy định Luật Đất đai.

i) Được phép triển khai đồng thời công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư song song với việc điều chỉnh dự án đầu tư dự án di dân, tái định cư của Dự án.

Cơ sở và lý do đề xuất:

Theo ý kiến kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với tỉnh Ninh Thuận ngày 4/12/2024 (theo Thông báo số 113-TB/VPTWĐ ngày 13/12/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng) trong đó chỉ đạo thực hiện các

chính sách hỗ trợ tốt nhất cho người dân khi triển khai xây dựng nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận.

10. Về cơ chế đặc thù xử lý chồng lấn quy hoạch khoáng sản titan

Không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia và thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia, khu vực quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành trong trường hợp diện tích thực hiện Dự án chồng lấn lên khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, khu vực quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản.

Cơ sở và lý do đề xuất:

Quy định tại khoản b khoản 1 Điều 30 (thực hiện dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội thuộc trường hợp điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia) và khoản 1, khoản 2, Điều 31 (Thời gian dự trữ khoáng sản tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia được xác định theo Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng, tối thiểu 20 năm và tối đa 70 năm, trường hợp trên 70 năm chưa có quy định) của Luật địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024.

11. Trong giai đoạn chuẩn bị Dự án, thực hiện Dự án, trường hợp phát sinh chồng lấn quy hoạch thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội, việc triển khai Dự án được thực hiện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và được cập nhật, bảo đảm tính đồng bộ trong các quy hoạch thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội.

Cơ sở và lý do đề xuất:

Trong giai đoạn chuẩn bị Dự án, thực hiện Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận, có thể phát sinh chồng lấn đối với các quy hoạch khác. Nếu phải điều chỉnh tuân tự các quy hoạch liên quan theo Luật Quy hoạch đối với các quy hoạch thuộc thẩm quyền của Quốc hội sẽ dẫn đến tiến độ dự án bị chậm, không đáp ứng được mục tiêu phân đấu đưa dự án vào vận hành năm 2030, muộn nhất ngày 31/12/2031 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

12. Cơ chế, chính sách bảo đảm phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực:

a) Thủ tướng Chính phủ thành lập tổ công tác gồm đại diện Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán nhà nước và các bộ, ngành liên quan để theo dõi, giám sát thường xuyên quá trình thực hiện các gói thầu quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này;

b) Chủ đầu tư nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1, nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 2 có trách nhiệm gửi dự thảo hợp đồng chìa khoá trao tay xây dựng nhà máy chính cho Kiểm toán nhà nước để thực hiện kiểm toán làm cơ sở ký hợp đồng. Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm gửi kết quả kiểm toán cho cấp có thẩm quyền ký hợp đồng chìa khoá trao tay trong thời hạn tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị kiểm toán kèm theo hợp đồng, bảo đảm không làm ảnh hưởng đến tiến độ Dự án;

c) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm theo quy định của Đảng và pháp luật.

Cơ sở và lý do đề xuất:

Đảm bảo thực hiện nghiêm các quy định của Nghị quyết số 27/NQ-TW¹² và Quy định số 178-QĐ/TW¹³ ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị, không xảy ra lợi ích nhóm, thất thoát, lãng phí, tiêu cực, đồng thời có cơ chế bảo vệ người dám nghĩ, dám làm không vụ lợi.

13. Tổng thầu, nhà thầu ưu tiên sử dụng các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong nước có thể sản xuất, cung cấp đáp ứng yêu cầu của gói thầu; đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, hồ sơ mời thầu phải có yêu cầu tổng thầu, nhà thầu nước ngoài về việc chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực cho đối tác Việt Nam để làm chủ công tác quản lý, vận hành; từng bước làm chủ công nghệ.

Cơ sở và lý do đề xuất:

Điện hạt nhân là một lĩnh vực mới, phức tạp và đòi hỏi các yêu cầu về công nghệ và an toàn tuyệt đối, việc khuyến khích các nhà thầu, nhà cung cấp vật liệu trong nước tham gia là cần thiết, tuy nhiên để tham gia được **phải đáp ứng các yêu cầu của gói thầu** theo quy định và tiêu chuẩn của Tổng thầu để đảm bảo chất lượng của dự án; ngoài ra việc bắt buộc áp dụng sẽ rất khó thực hiện vì còn phải đàm phán với các đối tác, việc thực hiện phụ thuộc vào kết quả đàm phán, do vậy kiến nghị theo hướng ưu tiên.

14. Trong thời gian Quốc hội không họp, Quốc hội ủy quyền cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

a) Xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án, trừ trường hợp điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư của Dự án;

¹² Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

¹³ Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.

b) Bổ sung, điều chỉnh cơ chế, chính sách đặc biệt cho các dự án.

4. Các điều kiện đảm bảo thực hiện (kinh phí, nhân lực, cơ sở vật chất)

Nghị quyết không phát sinh các thủ tục hành chính mà có thể thực hiện được ngay. Các điều kiện đảm bảo tổ chức thực hiện đối với Chính phủ, các chủ đầu tư, UBND tỉnh Ninh Thuận và các cơ quan liên quan đã được nêu cụ thể trong Nghị quyết.

5. Dự báo tác động chính sách đến người dân và xã hội, những vấn đề cần lưu ý khi thực hiện

5.1. Tác động tích cực

a) Tác động về kinh tế

- Đối với Nhà nước:

+ Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận sau hoàn thành đầu tư xây dựng sẽ cung cấp lượng điện sạch lớn, đáp ứng được nhu cầu năng lượng tăng cao, đảm bảo ổn định hệ thống điện, giảm sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng hóa thạch, thúc đẩy sự phát triển nguồn năng lượng tái tạo, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

+ Đảm bảo an ninh năng lượng cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

+ Góp phần thực hiện cam kết của Chính phủ về phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 (Net Zero) tại Hội nghị COP26.

- Đối với người dân: Được thụ hưởng dịch vụ cung cấp điện với chất lượng tốt hơn, có thêm cơ hội việc làm ổn định tại địa phương.

- Đối với doanh nghiệp:

+ Việc đẩy nhanh tiến độ dự án, sớm đưa vào vận hành sẽ giảm các chi phí về lãi vay và các chi phí liên quan trong quá trình đầu tư xây dựng; sớm tạo ra dòng tiền để thu hồi vốn.

+ Trường hợp triển khai dự án điện hạt nhân, các doanh nghiệp có cơ hội phát triển ngành công nghiệp phụ trợ (cung cấp vật liệu xây dựng, xây dựng, chế tạo và lắp đặt thiết bị,..); kích thích phát triển các ngành liên quan như dịch vụ hậu cần và vận chuyển; dịch vụ tư vấn và đào tạo; tăng cường nguồn cung năng lượng ổn định; kích thích phát triển kinh tế khu vực.

- Đối với các tổ chức khác: Ngoài việc tác động đến các doanh nghiệp thì các tổ chức khác hưởng lợi ích tương tự như tạo công ăn việc làm, tạo doanh thu cho doanh nghiệp tham gia chế tạo, cung cấp vật tư, vật liệu và thi công xây dựng công trình.

b) Tác động về xã hội

- Đối với Nhà nước: Việc xây dựng nhà máy điện hạt nhân có thể mang nhiều tác động xã hội như phát triển kinh tế công nghiệp (tạo cơ hội việc làm trong quá trình xây dựng, vận hành và bảo trì; đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp có liên quan, bao gồm công nghệ cao và kỹ thuật hạt nhân); đảm bảo an ninh năng lượng; nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật.

- Đối với người dân: Giúp người dân hưởng thụ dịch vụ điện ổn định, tin cậy, an toàn. Đồng thời, tăng nhu cầu sử dụng lao động, tăng việc làm tại địa phương.

- Đối với doanh nghiệp:

+ Doanh nghiệp chủ động kế hoạch đầu tư để tham gia chuỗi cung ứng từ vật tư, vật liệu đến thi công xây dựng và vận hành.

+ Được cung cấp nguồn điện ổn định giúp doanh nghiệp giảm chi phí và tăng tính cạnh tranh, nhất là trong bối cảnh nhu cầu năng lượng ngày càng cao.

- Đối với các tổ chức khác: Ngoài việc tác động đến các doanh nghiệp thì các tổ chức khác hưởng lợi ích tương tự.

c) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính

Việc áp dụng các chính sách trên không phát sinh thủ tục hành chính so với pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó còn rút ngắn được quy trình của một số thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện hiệ dự án.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

Do chỉ áp dụng đối với Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận nên không tác động chính sách pháp luật khác có liên quan.

5.2. Tác động tiêu cực

Do tính chất đặc thù của Dự án, trong quá trình thực hiện có thể sẽ phát sinh một số rủi ro, đặc biệt là vấn đề bảo vệ môi trường (rò rỉ phóng xạ, xảy ra các sự cố về môi trường,...), tuy nhiên với các quy định nghiêm ngặt về an toàn trong quá trình đầu tư, xây dựng và vận hành, cùng với sự phát triển về khoa học, công nghệ trong lĩnh vực hạt nhân, đặc biệt trong tất cả các giai đoạn đều có sự tham gia, giám sát của Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) nên các tác động tiêu cực, rủi ro này sẽ được giảm thiểu tối đa.

6. Triển khai hoạt động thi hành Nghị quyết (ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết; Tổ chức quán triệt, phổ biến cho cán bộ, công chức, viên chức, Nhân dân)

Nghị quyết số 189/2025/QH15 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2025, để bảo đảm các quy định của Nghị quyết được triển khai hiệu quả, Bộ Công Thương đang phối hợp với các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Công an, Quốc phòng, Ngoại giao, Xây dựng, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Hoàn thiện, kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng nhà máy điện hạt nhân.
2. Trình Thủ tướng Chính phủ chủ đầu tư thực hiện dự án.
3. Thành lập Văn phòng Ban Chỉ đạo xây dựng nhà máy điện hạt nhân.
4. Tổ chức phổ biến, giới thiệu Nghị quyết./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Tác động và công tác chuẩn bị nguồn lực triển khai thi hành Nghị quyết số 188/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh

- UBND thành phố Hà Nội -

UBND thành phố Hà Nội xin báo cáo tham luận về tác động của Nghị quyết thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh và việc chuẩn bị nguồn lực cho công tác triển khai thi hành trên địa bàn thành phố Hà Nội.

1. Tác động của Nghị quyết

Ngày 19/02/2025, tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9, Quốc hội khóa XV đã thông qua Nghị quyết số 188/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế chính sách, đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là một cột mốc quan trọng trong công cuộc phát triển hệ thống đường sắt đô thị của hai Thành phố, bởi những cơ chế, chính sách đặc thù của Nghị quyết mở ra những điều kiện thuận lợi, tác động tích cực, mạnh mẽ đến quá trình quy hoạch, chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư các dự án đường sắt đô thị của Thành phố. Cụ thể:

Thứ nhất, Nghị quyết đã thể chế hóa các định hướng, quan điểm, chỉ đạo mang tính chiến lược của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị về hoàn thiện hệ thống pháp luật, ban hành các cơ chế, chính sách có tính đột phá, vượt trội cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là đường bộ, đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị; phát triển đô thị bền vững tích hợp chặt chẽ với giao thông công cộng. Nghị quyết là tiền đề quan trọng để triển khai thực hiện Đề án phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, đã được Bộ Chính trị thống nhất chủ trương thông qua tại văn bản số 12766-CV/VPTW ngày 27/12/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng.

Thứ hai, Nghị quyết của Quốc hội đã cụ thể hóa chủ trương phân cấp, phân quyền, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, các “điểm nghẽn” về thể chế, tạo sự chủ động, linh hoạt cho hai Thành phố nhằm huy động mọi nguồn lực hợp pháp, rút ngắn tối đa trình tự, thủ tục, thời gian chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, khai thác hiệu quả nguồn lực từ đất đai, đẩy nhanh tiến trình đầu tư các tuyến đường sắt đô thị tại hai Thành phố vốn đang gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do phải đối mặt với nhiều quy định chồng chéo về trình tự, thủ tục liên quan đến quy hoạch, đầu tư, huy động nguồn vốn và tổ chức thực hiện. Cụ thể:

- Nhóm chính sách về huy động nguồn vốn tại **Điều 4** của Nghị quyết đã tạo sự chủ động, linh hoạt trong việc huy động, bố trí vốn cho các dự án từ ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương để ưu tiên hỗ trợ hai Thành phố đầu tư xây dựng hệ thống đường sắt đô thị, đường sắt đô thị theo mô hình TOD, giảm thiểu rủi ro thiếu hụt nguồn vốn, gây ảnh hưởng đến tiến độ các dự án.

- **Điều 5** của Nghị quyết là giải pháp “đột phá” về trình tự, thủ tục, trong đó cho phép không phải thực hiện thủ tục liên quan đến chủ trương đầu tư, được thực hiện ngay bước lập, thẩm định, quyết định đầu tư. Cùng với đó, UBND hai Thành phố được phân cấp, phân quyền để quyết định một số nội dung như: không phải thi tuyển phương án kiến trúc các công trình đường sắt đô thị; áp dụng hình thức chỉ định thầu trong công tác lựa chọn nhà thầu; không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án trong trường hợp kéo dài thời gian thực hiện mà không tăng tổng mức đầu tư...

- **Điều 6** của Nghị quyết là giải pháp “đột phá” về quy hoạch nhằm tích hợp chặt chẽ quy hoạch các tuyến đường sắt đô thị với quy hoạch sử dụng đất khu vực TOD để tăng cường tính kết nối, tạo điều kiện thuận tiện cho việc tiếp cận nhà ga bằng xe đạp, đi bộ, gia tăng số lượng hành khách sử dụng giao thông công cộng, giảm sử dụng phương tiện giao thông cơ giới cá nhân, qua đó giảm phát thải gây ô nhiễm môi trường; dữ trữ đất chiến lược, nâng cao hiệu quả khai thác quỹ đất khu vực phụ cận các nhà ga, đề-pô nhằm bù đắp chi phí đầu tư xây dựng đường sắt đô thị kết hợp cải tạo, chỉnh trang và phát triển đô thị bền vững, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa.

Thứ ba, Nghị quyết tạo hành lang pháp lý quan trọng cho việc rút gọn, đơn giản hóa trình tự, thủ tục, ưu tiên huy động nguồn vốn để quy hoạch, đầu tư, phát triển công nghiệp đường sắt, đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, kiện toàn bộ máy, tổ chức của cơ quan, đơn vị được giao tổ chức thực hiện, đẩy nhanh quá trình đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng các tuyến đường sắt đô thị trong thời gian tới, đáp ứng mục tiêu *hoàn chỉnh mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2035* theo yêu cầu của Bộ Chính trị tại Kết luận số 49-KL/TW ngày 28/02/2023, cũng như đáp ứng nhu cầu đi lại, sự quan tâm ngày càng tăng của người dân hai Thành phố sau khi các tuyến đầu tiên được đưa vào khai thác.

2. Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết

Để tổ chức thực hiện Nghị quyết, UBND Thành phố Hà Nội xác định phải triển khai ngay một số công việc, cụ thể:

Một là, xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết, trong đó bao gồm Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch chi tiết cho từng tuyến, đoạn tuyến theo danh mục dự án dự kiến kèm theo Nghị quyết, trong đó, ưu tiên trước

giai đoạn 2026-2030, đưa danh mục các tuyến đầu tư giai đoạn này vào quá trình soạn thảo Văn kiện và Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025-2030; phân công, phân nhiệm cơ quan chủ trì, các đơn vị phối hợp, bảo đảm phối hợp đồng bộ, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Ngày 27/02/2025, UBND Thành phố đã họp Tổ công tác với sự tham gia của đầy đủ các Sở, ngành thành viên để triển khai nội dung này.

Hai là, xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, trong đó ưu tiên bố trí vốn để quy hoạch, chuẩn bị và thực hiện đầu tư các tuyến số 2, 3 và 5, bao gồm các hoạt động triển khai trước:

- Rà soát, hoàn thiện quy hoạch toàn bộ mạng lưới đường sắt đô thị Hà Nội theo các giai đoạn, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 và Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/2024.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ nhân sự của đơn vị được giao quản lý, thực hiện đầu tư các tuyến đường sắt đô thị.

- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến và quy hoạch các khu vực TOD làm cơ sở xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi và tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập để triển khai trước.

- Tuyển chọn hoặc chỉ định tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi trong đó được lập thiết kế kỹ thuật tổng thể (FEED) thay cho thiết kế cơ sở.

- Phân đấu khởi công Tuyến số 2 đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo và tuyến số 5 Văn Cao - Hòa Lạc trong năm 2025.

Ba là, phối hợp với Chính phủ xây dựng Nghị định hướng dẫn thực hiện một số điều, khoản của Nghị quyết bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa hệ thống đường sắt tốc độ cao và hệ thống đường sắt đô thị của hai Thành phố.

3. Đề xuất, kiến nghị

Để tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết, UBND thành phố Hà Nội kính đề nghị Chính phủ, các Bộ, ngành tiếp tục quan tâm, hỗ trợ, đồng hành cùng hai Thành phố trong quá trình xây dựng các Nghị định hướng dẫn và quá trình tổ chức thực hiện đầu tư các tuyến đường sắt đô thị của hai Thành phố.